

FORTEX

Until Perfect



BÁO CÁO **THƯỜNG NIÊN** **2024**

www.fortex.com.vn



MỤC LỤC

1. THÔNG ĐIẾP HĐQT.....	4
2. THÔNG TIN CƠ BẢN.....	5
3. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN.....	6
4. NGÀNH NGHỀ VÀ THỊ TRƯỜNG KINH DOANH.....	7
5. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, BỘ MÁY QUẢN LÝ.....	16
6. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN.....	17
7. CÁC RỦI RO	19
8. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024	26
9. TỔ CHỨC NHÂN SỰ.....	27
10. TÌNH HÌNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	35
11. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	37
12. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG & VỐN CHỦ SỞ HỮU.....	39
13. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG.....	41
14. BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	44
Tổng quan ngành dệt may năm	44
Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh	45
Tình hình tài chính.....	47
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý	49
Kế hoạch phát triển tương lai	50
Giải trình của Ban Tổng Giám Đốc với ý kiến của kiểm toán.....	53
15. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	54
Đánh giá về các mặt hoạt động của công ty	54
Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc	55
Kế hoạch định hướng năm 2025	56
16. QUẢN TRỊ CÔNG TY & HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	57
17. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	66

BẢNG BIỂU

Bảng 1: Các nhân tố rủi ro	20
Bảng 2: Thành viên Ban điều hành	25
Bảng 3: Số người lao động trong công ty theo năm	28
Bảng 4: Các khoản đầu tư lớn của Fortex.....	33
Bảng 5: Tình hình tài chính năm 2024 của Công ty	35
Bảng 6: Các chỉ tiêu tài chính	36
Bảng 7: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2024.....	37
Bảng 8: Giá trị kế hoạch và thực hiện năm 2024	44
Bảng 9: Cơ cấu Tài sản Doanh nghiệp	46
Bảng 10: Cơ cấu Nguồn vốn Doanh nghiệp	47
Bảng 11: Thành viên HĐQT Fortex ngày 31/12/2024	57
Bảng 12: Thông tin Hội Đồng Quản Trị.....	61
Bảng 13: Các nghị quyết HĐQT	61
Bảng 14: Thông tin về thành viên Ủy ban kiểm toán 6 tháng đầu năm 2024	63
Bảng 15: Các cuộc họp Ủy ban kiểm toán	64

Kính gửi Quý Cổ đông, Quý Đối tác và Toàn thể Cán bộ Nhân viên,

Năm qua là một giai đoạn đầy thử thách đối với ngành sợi nói riêng và toàn bộ chuỗi giá trị ngành dệt may nói chung. Tác động từ biến động kinh tế toàn cầu, biến đổi khí hậu và sự thay đổi trong xu hướng tiêu dùng đã khiến chúng ta đối diện với những khó khăn chưa từng có. Sự suy giảm nhu cầu từ các thị trường lớn, chi phí nguyên liệu biến động và những thách thức trong việc chuyển đổi xanh đang đặt ra những bài toán hết sức phức tạp.

Bên cạnh đó, tình trạng thiếu hụt lao động cũng là một thách thức đáng kể. Việc tuyển dụng và giữ chân nhân sự chất lượng cao, có tay nghề ngày càng khó khăn khi sự cạnh tranh trong thị trường lao động gia tăng, đồng thời, yêu cầu về tay nghề và kỹ năng cũng không ngừng thay đổi. Điều này đòi hỏi chúng ta phải có những giải pháp đột phá trong quản lý nhân sự, nâng cao môi trường làm việc, chế độ đãi ngộ để giữ chân và thu hút được người lao động.

Tuy nhiên, trong khó khăn luôn tiềm ẩn những cơ hội. Việc tăng cường đổi mới, tối ưu sản xuất và phát triển các dòng sản phẩm xanh, bền vững sẽ giúp chúng ta tăng khả năng cạnh tranh và nắm bắt những xu hướng mới. Sự đầu tư vào công nghệ hiện đại, tăng cường tính linh hoạt trong chuỗi cung ứng và đẩy mạnh quan hệ với các đối tác chiến lược là những giải pháp quan trọng giúp chúng ta vững vàng bước tới.

Hơn lúc nào hết, chúng ta cần đoàn kết, kiên định với mục tiêu dài hạn và giữ vững tinh thần không ngừng đổi mới. Tôi tin rằng, với sự chung vai sát cánh của tất cả chúng ta, công ty sẽ không chỉ vượt qua giai đoạn thử thách này mà còn vươn lên mạnh mẽ, hướng tới sự phát triển bền vững và thành công.

Xin cảm ơn Quý Cổ đông, Quý Đối tác và Toàn thể Cán bộ Nhân viên đã luôn đồng hành cùng công ty. Hãy tiếp tục bản lĩnh, kiên trì và cùng nhau tạo nên những thành tựu mới trong tương lai

Kính chúc Quý vị - Quý Cổ đông

SỨC KHỎE – HẠNH PHÚC – THÀNH CÔNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

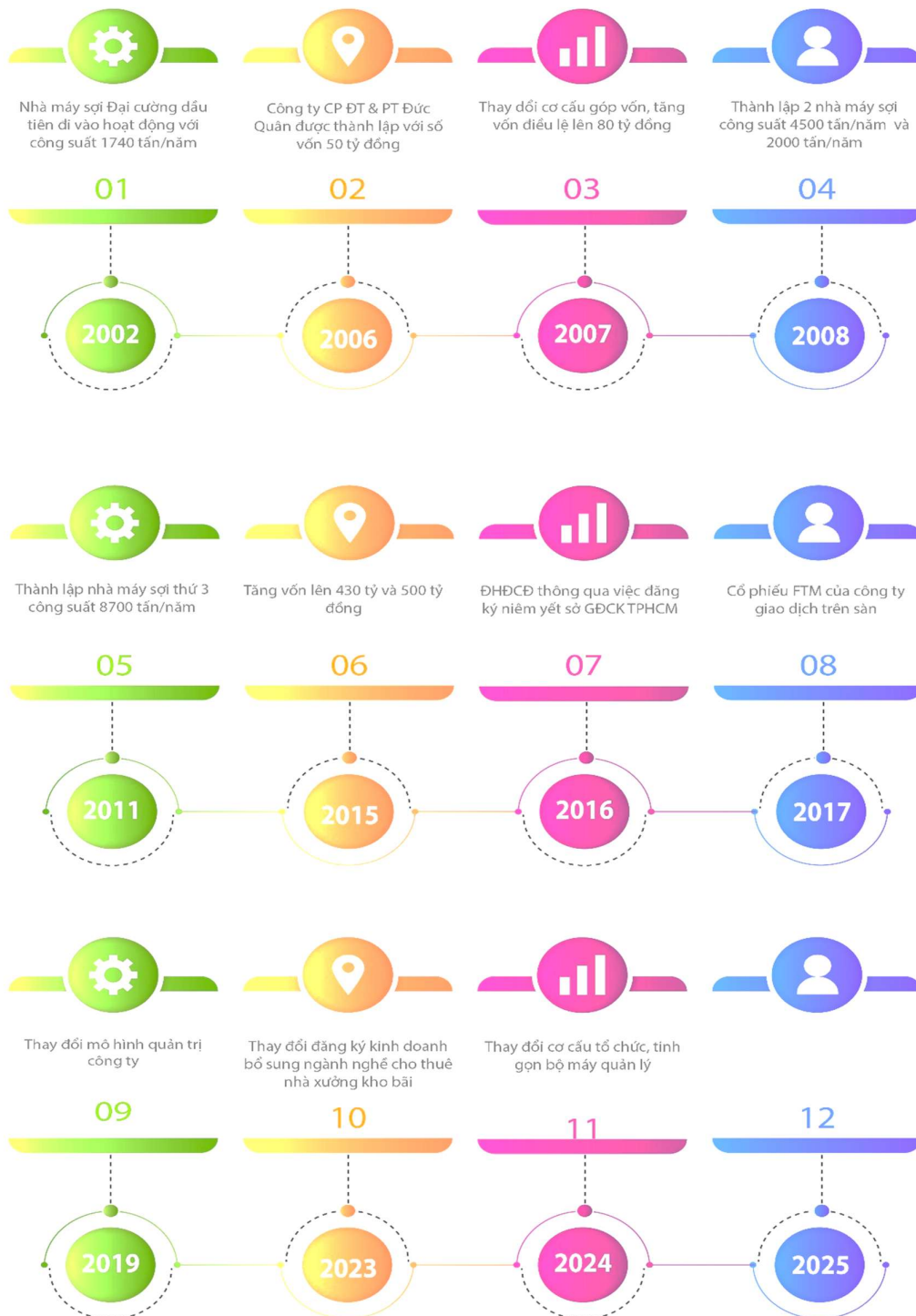
(đã ký)



LÊ MẠNH THƯỜNG

THÔNG TIN CƠ BẢN

Tên giao dịch	: Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân Giấy
CNĐKKD	: Số 1000400095 do Sở KH&ĐT Tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 30/10/2006, thay đổi lần thứ 12 ngày 07/11/2023
Vốn điều lệ	: 500.000.000.000 đồng (Năm trăm tỷ đồng)
Địa chỉ	: Lô A3 - KCN Nguyễn Đức Cảnh, Đường Trần Thái Tông, Phường Tiền Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình
Số điện thoại	: +8422 7384 5379
Email	: contact@fortex.com.vn
Website	: http://fortex.com.vn/
Mã cổ phiếu	: FTM





Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất sợi
 - + Sợi 100% Polyester Virgin
 - + Sợi 100% Recycled Polyester Dyed.
 - + Sợi 100% Recycled Polyester.
 - + Sợi 100% Cotton Chải thô (CD); Chải kỹ (CM)
- Sản xuất vải dệt thoi
- Hoàn thiện sản phẩm dệt
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác
- Sản xuất hàng may sẵn, ...

Hoạt động kinh doanh cốt lõi của Fortex là sản xuất và kinh doanh các loại sợi cotton chất lượng cao bao gồm sợi chải thô CD, sợi chải kỹ CM, sợi 100% Polyester (PE) nguyên sinh và 100% Polyester tái sinh thường và màu đây là dòng sản phẩm mới thân thiện với môi trường bởi sản phẩm sợi không qua công đoạn tẩy nhuộm sau dệt và hoàn tất sản phẩm. Sản phẩm sợi thuộc chiến lược sản xuất xanh hướng tới phát triển bền vững với đầu ra là nguyên liệu sợi tái sinh 100% sản xuất tại Việt Nam là lợi thế cạnh tranh cho sản phẩm hàng dệt may khi Việt Nam ký kết hiệp định EVFTA, CPTPP.

Bên cạnh sản xuất và kinh doanh sợi thành phẩm, Fortex còn kinh doanh thương mại các loại sợi khác, kinh doanh bông nguyên liệu đầu vào nhập khẩu và các nguyên phụ liệu ngành sợi bán buôn cho các doanh nghiệp trong nước.

Sản phẩm sợi

Sợi 100% Polyester nguyên sinh (100% Polyester Virgin)

Sợi Polyester (PE) là một loại sợi tổng hợp với thành phần cấu tạo đặc trưng là ethylene (nguồn gốc từ dầu mỏ).

Sợi được ứng dụng nhiều trong ngành công nghiệp để sản xuất các loại sản phẩm như quần áo, đồ nội thất gia dụng, vải công nghiệp, vật liệu cách điện... Sợi Polyester có nhiều ưu thế hơn khi so sánh với các loại sợi truyền thống là không hút ẩm, nhưng hấp thụ dầu. Chính những đặc tính này làm cho Polyester trở thành một loại vải hoàn hảo đối với những ứng dụng chống nước, chống bụi và chống cháy. Khả năng hấp thụ thấp của Polyester giúp nó tự chống lại các vết bẩn một cách tự nhiên. Vải Polyester không bị co khi giặt, chống nhăn và chống kéo giãn. Nó cũng dễ dàng được nhuộm màu và không bị hủy hoại bởi nấm mốc. Vải Polyester là vật liệu cách nhiệt hiệu quả, do đó nó được dùng để sản xuất gối, chăn và áo khoác ngoài.

Sợi màu 100% Polyester tái sinh (100% Recycled Polyester Dyed)

Polyester màu tái sinh được sử dụng nhiều trong ngành công nghiệp để sản xuất các loại sản phẩm như quần áo, vớ "bít tất". Không qua công đoạn tẩy nhuộm sau dệt, sợi Polyester tái sinh có nhiều ưu thế hơn khi so sánh với các loại sợi truyền thống cotton và Polyester nguyên sinh như rút ngắn công đoạn sau dệt, đảm bảo ưu thế giảm chi phí sản xuất, thân thiện với môi trường. Hiện nay sản phẩm sợi được sử dụng nhiều trong các sản phẩm dệt may và may mặc với tính cơ lý ngang bằng các sản phẩm may mặc truyền thống như sợi PE nguyên sinh, sợi cotton và sợi pha, đặc biệt là giá thành chế biến rẻ tăng lợi thế cạnh tranh đối với các sản phẩm cùng loại.

Sợi 100% Cotton Chải thô, Chải kỹ

Cotton là loại chất liệu được sử dụng phổ biến trong các trang phục hàng ngày bởi chúng mang lại cảm giác thoáng mát, dễ chịu cho người mặc. Từ thời xa xưa, sau khi trồng trọt xuất hiện, con người đã biết đến cách trồng bông. Những quả bông sau khi thu hái được kéo thành sợi bông (hay còn gọi là sợi Cotton) dùng để dệt vải.

Về ưu điểm, Cotton đem lại cảm giác thoáng mát, thoải mái cho người mặc bởi khả năng hút ẩm tốt, thấm mồ hôi cao. Về nhược điểm, chất liệu Cotton khá cứng, thường thích hợp với nam giới.

Các sản phẩm sợi của Fortex:



CD

(Sợi Cotton chải thô CD)

- Thành phần: 100% cotton chải thô
- Công nghệ: Áp dụng công nghệ quay vòng
- Yêu cầu: Sợi bông dài
- Chất lượng: Trơn hơn, mềm hơn và thấm hút hơn so với các loại sợi OE
- Đặc tính: Hút ẩm tốt, dễ chịu khi tiếp xúc với da người
- Sử dụng: Thường dùng để dệt các loại vải mềm, sản xuất áo sơ mi, đồ lót và chăn ga trải giường chất lượng cao
- Các chỉ số: Ne 28 – Ne 60



CM

(Sợi Cotton chải kỹ CM)

- Thành phần: 100% cotton chải kỹ
- Công nghệ: Áp dụng công nghệ quay vòng
- Yêu cầu: Sợi bông dài
- Chất lượng: Trơn hơn, mềm hơn và thấm hút hơn so với các loại sợi CD
- Đặc tính: Hút ẩm tốt, dễ chịu khi tiếp xúc với da người
- Sử dụng: Thường dùng để dệt các loại vải mềm, sản xuất áo sơ mi, đồ lót và chăn ga trải giường chất lượng cao
- Các chỉ số: Ne 28 – Ne 60



PE Virgin
(Sợi 100% Polyester
nguyên sinh)

- Thành phần: 100% xơ Polyester nguyên sinh.
- Công nghệ: Áp dụng công nghệ quay vòng “ring spun”
- Yêu cầu: loại 1.2D -1.4D; 38MM.
- Đặc tính: Hút ẩm giữ nhiệt, dễ chịu khi tiếp xúc với da người
- Sử dụng: Thường dùng để dệt các loại vải mềm, sản xuất quần áo, vớ, găng tay đồ lót và chăn Ga trải giường chất lượng cao
- Sợi dùng trong dệt kim; dệt khí
- Chi số từ: Ne 20/1 – Ne 50/1



PE Recycled Dyed
(Sợi 100% Polyester
màu tái sinh)

Thành phần: 100% xơ Polyester màu tái sinh.
Công nghệ: Áp dụng công nghệ quay vòng “ring spun”
Yêu cầu: loại 1.2D -1.4D; 38MM.
Đặc tính: Hút ẩm giữ nhiệt, dễ chịu khi tiếp xúc với da người
Sử dụng: Thường dùng để dệt các loại vải mềm, sản xuất quần áo, vớ, găng tay.
Sợi dệt không qua công đoạn tẩy nhuộm trước và sau công đoạn hoàn tất.
Sợi dùng trong dệt kim và dệt kiếm



PE Recycled
(Sợi 100% Polyester
tái sinh)

- Thành phần: 100% xơ Polyester tái sinh.
- Công nghệ: Áp dụng công nghệ quay vòng “ring spun”
- Yêu cầu: loại 1.2D -1.4D; 38MM.
- Đặc tính: Hút ẩm giữ nhiệt, dễ chịu khi tiếp xúc với da người
- Sử dụng: Thường dùng để dệt các loại vải mềm, sản xuất quần áo, vớ, găng tay, đồ lót...
- Sợi dùng trong dệt kim; dệt khí.
- Chi số từ: Ne 20/1 – Ne 40/1



Thị trường kinh doanh

Năm 2024, Công ty đã tiến hành các thủ tục pháp lý về xin cấp chứng chỉ BIS để quay trở lại thị trường Ấn Độ. Đồng thời tiếp tục khai thác phát triển các thị trường ngách: Thái Lan, Banglades và Trung Quốc, Hàn Quốc... Tỷ trọng xuất khẩu của công ty chiếm 30% mặt hàng chủ yếu là dòng sản phẩm sợi Polyester.



Thị trường kinh doanh

Thị trường xuất khẩu chính của công ty là các nước: Ấn độ, Brazil, Thái Lan...Chiếm 30% tổng sản lượng của công ty. Còn lại là nội địa

Năm 2024 công ty tiếp tục khai thác các thị trường ngách như: Hàn Quốc, Banlades

Khách hàng lớn

Sợi Polyester: ACE Global (India), Fine Yearn (india), Nimish Syntex (india).

Sợi Coton: Bhartia Yarn, Bluezen Clothing, ACE Global

Nhà cung cấp

Nanyang, Fujian Jingwel
Uday Cotton, Qingdao
Sunrise



Nhà máy sản xuất và cơ sở vật chất kỹ thuật

Fortex có trụ sở chính tại Lô A3 - KCN Nguyễn Đức Cảnh, Đường Trần Thái Tông, Phường

Tiền Phong, TP. Thái Bình, Tỉnh Thái Bình và 02 nhà máy tọa lạc tại KCN Nguyễn Đức Cảnh , TP Thái Bình và 01 nhà máy tại Khu Công Nghiệp Tiền Hải , Huyện Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình.

Tại các nhà máy của Fortex hiện nay đều được trang bị dây chuyền thiết bị kéo sợi đồng bộ, hiện đại bao gồm: Hệ thống dây cung bông (Máy xé, máy trộn, máy lọc kim loại, máy lọc sơ ngoại lai), máy chải thô, máy ghép, máy cuộn cúi, máy chải kỹ, máy sợi thô, máy sợi con, máy đánh ống tự động, hệ thống điều không, thiết bị phòng thí nghiệm...

Máy móc của công ty chủ yếu nhập khẩu từ Thụy Sĩ, Đức, Nhật, Trung Quốc... Hệ thống kéo sợi của Fortex được cung cấp chủ yếu bởi RIETER – Thụy Sĩ, hãng cung cấp uy tín hàng đầu Thế giới về thiết bị cho công nghệ kéo sợi.

Trung tâm kiểm soát chất lượng với thiết bị kiểm soát từ USTER, nhà cung cấp hàng đầu Thế giới về thiết bị đo lường – kiểm tra chất lượng các sản phẩm sợi – dệt.





NHÀ MÁY SẢN XUẤT

FORTEX có 3 nhà máy sản xuất
Bao gồm NM Đức Quân I, NM
Đức II, NM Đức Quân V với tổng
101.000 cọc sợi tương đương
công suất 17.500 tấn/năm.

- Máy Rieter G35: 1620*28
- Máy Zinser: 1200*32
- Máy Shanghai: 504*35

01 Xưởng 1 - NM ĐQ I:
17.460 cọc sợi. Công
suất 3.300 tấn/năm

02 Xưởng 2 - NM ĐQ I:
38.400 cọc sợi. Công
suất 6.200 tấn/năm

03 NM ĐQ II: 45.360
cọc sợi. Công suất
7,500 tấn/năm

Để thuận lợi trong công tác điều hành sản xuất, công ty phân định tên gọi 3 nhà máy là Xưởng 1 – NM ĐQI, Xưởng 2 – NM DDQ1, Nhà máy Đức Quân II

THÀNH TÍCH NỔI BẬT

Với những nỗ lực và đóng góp không ngừng trong quá trình hoạt động, Fortex vinh dự được đón nhận những danh hiệu nổi bật.



Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt dành cho các thương hiệu và sản phẩm tiêu biểu của Việt Nam hội nhập quốc tế



Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế Quốc tế tặng Bằng khen "Thành tích xuất sắc trong xây dựng và phát triển Thương hiệu và tham gia hội nhập kinh tế quốc tế"



UBND Thành phố Thái Bình chứng nhận "Doanh nghiệp tiêu biểu về đổi mới công nghệ"



UBND Thành phố Thái Bình chứng nhận "Doanh nghiệp tiêu biểu về đổi mới công nghệ"



Chứng chỉ bảo hộ bởi Cục Sở hữu Trí tuệ cho mặt hàng sợi các loại



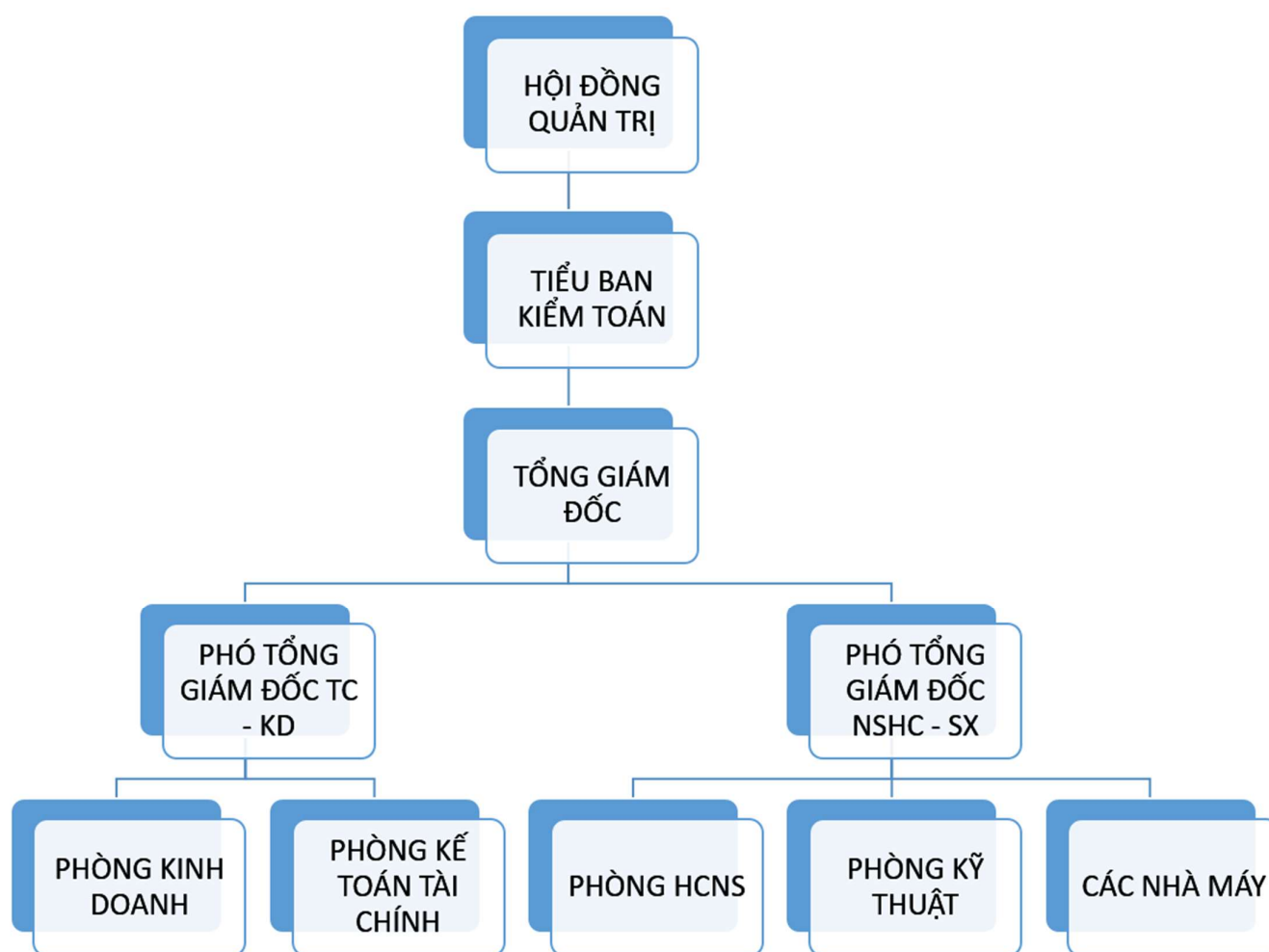
UBND tỉnh Thái Bình tặng bằng khen "Đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh XNK năm 2017 góp phần phát triển KT-XH của Tỉnh"



UBND tỉnh Thái Bình tặng bằng khen "Đã có thành tích tiêu biểu trong công tác an sinh xã hội năm 2019"

Mô hình quản trị

Công ty hoạt động theo mô hình tổ chức quản lý Công ty cổ phần quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp, mới được chuyển đổi từ mô hình tổ chức quản lý Công ty cổ phần quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp từ ngày 25/06/2020.

Sơ đồ Cơ cấu bộ máy quản lý**Các công ty con, công ty liên kết:**

Công ty con: Không có Công

ty liên kết: Không có

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty



Mục tiêu hoạt động

Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, mục tiêu chủ yếu của Công ty là: “Huy động và sử dụng vốn đạt hiệu quả cao nhất, không ngừng tổ chức và phát triển hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực nhằm mục đích thu lợi nhuận tối đa, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, tạo việc làm ổn định và nâng cao đời sống thu nhập cho người lao động, làm tròn nghĩa vụ thuế đối với Ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty vững mạnh.”

Chiến lược phát triển chung

Trong bối cảnh nền kinh tế vĩ mô và bối cảnh kinh doanh có nhiều điểm không thuận lợi và thách thức của năm 2023, Ban điều hành Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Đức Quân luôn chủ động tìm kiếm cơ hội trong nguy cơ, tập trung trọng điểm vào nâng cao hiệu quả sản xuất, mở rộng thị trường và duy trì mạng lưới khách hàng hiện hữu. Công ty tiếp tục duy trì và phát huy đẩy nhanh hơn nữa tốc độ tăng trưởng của công ty, tối đa hóa lợi ích của khách hàng để tạo giá trị gia tăng chung cho công ty và xã hội. Mục tiêu tăng trưởng của công ty về doanh thu và lợi nhuận trong các năm từ 2023 - 2030 phấn đấu mức tăng trưởng bình quân hàng năm từ 10% trở lên.



Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

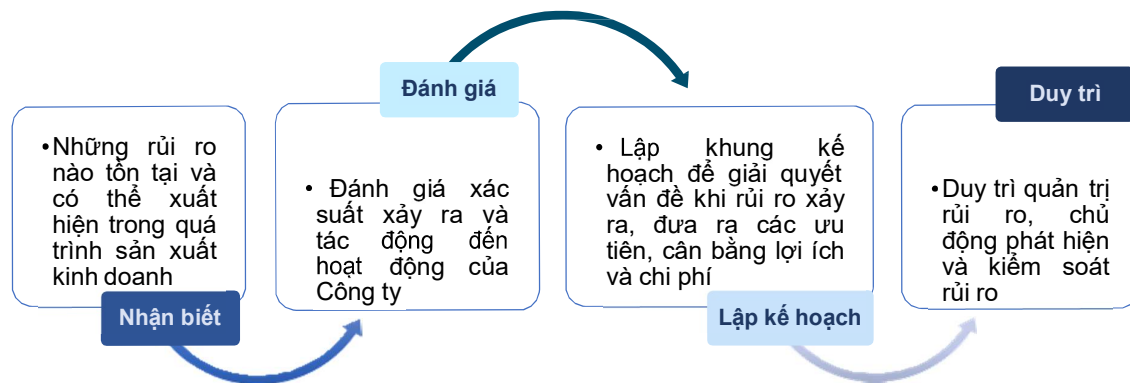
Công ty mong muốn mang lại cho các đối tác và khách hàng những sản phẩm với chất lượng tốt nhất, giá cả hợp lý nhất đồng thời hạn chế thấp nhất gây ô nhiễm môi trường.

Đồng thời mang lại các quyền, lợi ích cho CBCNV và các cổ đông trong công ty.

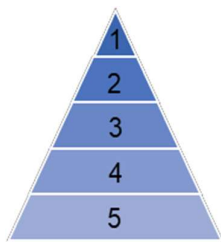
Quản trị rủi ro

Nhận thức được tầm quan trọng của việc quản trị rủi ro trong quá trình sản xuất, kinh doanh, hàng năm, Tổng Giám đốc chỉ đạo xem xét và phê duyệt khung quản trị rủi ro chung cho toàn Công ty. Công ty đã xây dựng khung quản trị rủi ro, áp dụng quy trình nhận diện, phân tích, đo lường và đánh giá và tiếp cận các rủi ro có thể xảy ra, từ đó sẽ tìm kiếm và đưa ra các biện pháp kiểm soát, khắc phục các hậu quả của rủi ro đối với hoạt động kinh doanh, sản xuất. Mục đích cuối cùng chính là giảm thiểu tổn thất xuống mức thấp nhất có thể. Đồng thời biến những bất lợi từ rủi ro thành cơ hội để dẫn đến thành công

Sơ đồ quy trình quản trị rủi ro



Các rủi ro Công ty gặp phải



Thang đo xác suất xảy ra

- 1 - Xác suất xảy ra bằng 0
- 2 - Xác suất xảy ra thấp
- 3 - Xác suất xảy ra trung bình
- 4 - Xác suất xảy ra lớn
- 5 - Xác suất xảy ra rất lớn

Thang đo tác động

- 1 - Không ảnh hưởng
- 2 - Ảnh hưởng nhỏ
- 3 - Ảnh hưởng bình thường
- 4 - Ảnh hưởng lớn
- 5 - Ảnh hưởng rất lớn



Bảng 1: Các nhân tố rủi ro

Nhận biết rủi ro	Đánh Giá	Giải Pháp
Rủi ro cạnh tranh	Fortex là một trong những nhà sản xuất sợi Cotton hàng đầu Việt Nam, năng lực sản xuất sợi lớn nhất miền Bắc. Hiện nay, các đối thủ cạnh tranh lớn của Fortex đang có xu hướng dịch chuyển sang sản xuất phân khúc cao cấp hoặc sợi tái chế, từ đó có thể thấy tại thị trường sản xuất sợi Cotton, Fortex vẫn đang nắm lợi thế cạnh tranh lớn. Đánh giá: Xác suất: 2, Tác động: 2	Với mô hình kinh doanh chú trọng vào cơ sở vật chất hiện đại, đội ngũ nhân viên lành nghề, chuyên nghiệp và hệ thống quản lý hiện đại, Công ty tin tưởng sẽ duy trì được khả năng cạnh tranh trong việc cung cấp sản phẩm chất lượng cao và giá thành cạnh tranh.
	Lãi suất cho vay hình thành nên chi phí vốn và là chi phí đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh; có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Việc lãi suất cho vay biến động có ảnh hưởng rất lớn tới kết quả HĐKD của Công	Với đặc thù ngành nghề kinh doanh, Công ty cần vốn lưu động lớn để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty phải luôn chủ động và nỗ lực trong việc tìm kiếm nguồn vốn giá rẻ, ngoài việc tăng nguồn vốn chủ sở hữu, Công ty lựa chọn tổ chức tín dụng,

Rủi ro lãi suất	ty. Giai đoạn năm 2024 để điều hành ổn định kinh tế vĩ mô và kìm chế lạm phát Ngân hàng nhà nước đã tăng lãi suất và siết chặt tín dụng, Công ty cũng chịu sự ảnh hưởng không nhỏ Đánh giá: Xác suất: 1, Tác động: 1	tổ chức phi tín dụng có mức lãi suất cạnh tranh để huy động vốn nhằm tiết giảm chi phí cho Công ty.
Rủi ro nguồn nhân lực	Ngành Dệt May là một trong những ngành sử dụng lao động cao ở Việt Nam, do đó vấn đề nhân công rất được Công ty chú trọng quan tâm. Hiện nay, Việt Nam đã trải qua thời kì “dân số vàng” nên nguồn cung lao động cho Ngành Dệt May đang dần thiếu hụt trong tương lai và các nhóm ngành công nghiệp chế tạo cũng đang thu hút lao động bằng các ưu đãi, môi trường làm việc tốt hơn. Vì vậy, rủi ro thiếu nguồn nhân lực trong tương lai sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty. Đánh giá: Xác suất: 3, Tác động: 3.	Để đảm bảo luôn đủ nguồn nhân lực, Công ty đã có những chính sách ưu đãi cho người lao động: điều chỉnh tăng mức lương các bậc, trong đó ưu tiên tăng lương cho lao động có tay nghề cao, tổ chức xét tăng lương định kỳ; áp dụng các chế độ thưởng về năng suất, chất lượng, chuyên cần, thưởng thành tích cuối năm; áp dụng các chế độ phụ cấp; phối hợp tốt với Công đoàn lao động thực hiện chăm lo cho đời sống tinh thần và vật chất của người lao động. Song song với đó, Công ty cũng chú trọng công tác đào tạo, nâng cao trình độ- kỹ năng tay nghề của CBCNV, xây dựng đội ngũ kế thừa
Rủi ro Pháp luật	Sự thay đổi của các chính sách Pháp luật về Thị trường chứng khoán, thuế, hải quan, bảo vệ môi trường, lao động có thể làm tăng chi phí vận hành của doanh nghiệp. Đánh giá: Xác suất 2, Tác động: 2	Để đảm bảo tuân thủ và hạn chế rủi ro pháp lý, Công ty đã triển khai các quy trình kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động có nguy cơ phát sinh rủi ro pháp lý trong nội bộ. Từng phòng chức năng cũng

		thường xuyên được cập nhật các văn bản pháp luật mới, tập huấn các qui định pháp luật chuyên ngành liên quan chức năng của mình.
Rủi ro môi trường	Ngành sản xuất phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố môi trường. Vấn đề bảo vệ môi trường, xử lý chất thải sau quá trình sản xuất kinh doanh là thách thức không nhỏ đối với Công ty. Sức ép về sự gia tăng của các khoản phí: phí tài nguyên môi trường, phí xử lý chất thải, tiền thuê đất,... ngày càng cao cũng ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.	Hiện tại, Công ty đã tuân thủ đầy đủ và đang thực hiện tốt các quy định của Pháp luật về bảo vệ môi trường, các chi phí phát sinh cần thiết liên quan đến công tác bảo vệ môi trường được tính toán nằm trong kế hoạch chi phí của Công ty. Công ty đã có kế hoạch đầu tư thêm dây chuyền sản xuất các sản phẩm sợi dệt mầu không qua tẩy nhuộm hạn chế tối đa chất thải ra môi trường Công ty không xả thải ra môi trường, nước thải luôn được thu gom theo hệ thống thu gom và xử lý nước của KCN. Ký hợp đồng xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại với các công ty có chuyên môn. Dẫn đưa ra các nguồn điện sạch như điện mặt trời vào sản xuất.
Rủi ro kinh tế vĩ mô	Suy thoái kinh tế toàn cầu: Khi các nền kinh tế lớn như Mỹ, EU, Trung Quốc suy giảm, nhu cầu tiêu dùng nói chung và hàng may mặc nói riêng sẽ giảm, dẫn đến đơn hàng sụt giảm.	Đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, mở rộng kênh bán hàng trong nước, tận dụng ưu đãi thuế từ CPTPP, EVFTA, RCEP để tăng khả năng cạnh tranh. Thường xuyên theo dõi diễn biến

	Biến động tỷ giá: Ngành dệt may và ngành sợi nguyên liệu đầu vào chủ yếu là nhập khẩu. Biến động tỷ giá có thể làm tăng chi phí đầu vào và giảm lợi nhuận. Lạm phát & lãi suất cao: Nếu lạm phát kéo dài, chi phí tài chính của doanh nghiệp dệt may sẽ tăng do lãi suất vay cao hơn, ảnh hưởng đến đầu tư và mở rộng sản xuất. Đánh giá: Xác suất: 4; Tác động: 4	tỷ giá từ đó tiến hành ký hợp đồng mua bán ngoại tệ kỳ hạn để hạn chế rủi ro biến động tiền tệ. Đa dạng hóa nguồn vốn, tránh vay quá nhiều bằng ngoại tệ để giảm áp lực lãi suất.
Rủi ro chính sách & pháp lý:	Thay đổi chính sách thương mại: Các hiệp định thương mại (EVFTA, CPTPP) có thể điều chỉnh điều kiện ưu đãi thuế, ảnh hưởng đến lợi thế xuất khẩu của doanh nghiệp. Thuế carbon (CBAM) & tiêu chuẩn môi trường: EU và Mỹ áp dụng quy định chặt chẽ hơn về khí thải và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, gây áp lực lớn lên doanh nghiệp chưa đáp ứng tiêu chuẩn xanh. Chính sách lao động & tiền lương: Tăng lương tối thiểu và bảo hiểm xã hội có thể làm giảm biên lợi nhuận của doanh nghiệp. Đánh giá: Xác suất: 2; Tác động: 3	Sản xuất các sản phẩm có nguồn gốc tái chế như sợi tái sinh, vớ lâu dài cần tìm kiếm các nhà cung cấp đầu vào đáp ứng các tiêu chí sản xuất xanh, thân thiện môi trường. Có giải pháp để triển khai việc sử dụng năng lượng tái tạo (điện mặt trời, điện gió) vào sản xuất để giảm chi phí điện đồng thời góp phần giảm phát thải cũng như có thêm điều kiện để đạt được các chứng chỉ liên quan. Đảm bảo môi trường làm việc an toàn, lương thưởng hợp lý, thanh toán tiền lương đúng hạn, kịp thời giải đáp các vướng mắc phát sinh để tránh đình công. Tuân thủ nghiêm ngặt luật lao động, tăng phúc lợi để giữ chân lao động.
Rủi ro chuỗi cung ứng & nguyên liệu	Phụ thuộc vào Trung Quốc: Hơn 50% nguyên liệu dệt may của Việt	Giảm phụ thuộc vào Trung Quốc bằng cách nhập khẩu từ các thị

	Nam nhập từ Trung Quốc. Nếu Trung Quốc hạn chế xuất khẩu hoặc gặp gián đoạn sản xuất, doanh nghiệp Việt Nam sẽ thiếu nguyên liệu. Chi phí logistics & vận chuyển: Giá cước vận tải biển và chi phí logistics tăng cao có thể làm đội giá thành sản phẩm, giảm khả năng cạnh tranh. Đánh giá: Xác suất: 3; Tác động: 3	trường khác. Ký hợp đồng dài hạn với hãng vận tải để tránh biến động giá cước vận chuyển. Kịp thời yêu cầu các bên cung cấp dịch vụ vận tải điều chỉnh giá cước hợp lý khi giá xăng dầu biến động giảm. Sử dụng cảng gần hơn để giảm chi phí logistics.
Rủi ro công nghệ & chuyển đổi số	Cạnh tranh với sản xuất tự động hóa: Các quốc gia như Trung Quốc, Bangladesh, Ấn Độ đang ứng dụng robot và AI trong sản xuất, làm giảm lợi thế nhân công giá rẻ của Việt Nam. Chậm đổi mới công nghệ: Nếu doanh nghiệp không đầu tư vào máy móc hiện đại, ứng dụng IoT và ERP trong quản lý sản xuất, sẽ bị tụt hậu so với đối thủ. Đánh giá: Xác suất: 2; Tác động: 3	Áp dụng ERP, AI, IoT, các phần mềm số hóa phù hợp với mô hình sản xuất để tối ưu hóa chuỗi cung ứng, quản lý sản xuất.

Năm 2024 là năm bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, xung đột leo thang ở nhiều khu vực, giá xăng dầu, cước vận tải biến động mạnh, kinh tế thương mại phục hồi chậm, đặc biệt tổng đầu tư toàn cầu sụt giảm, thiên tai, biến đổi khí hậu, an ninh năng lượng diễn biến phức tạp nên kết quả của ngành dệt may chưa có nhiều khởi sắc. Sức tiêu thụ của thị trường chậm dẫn đến các đơn hàng bị tạm dừng thậm chí hủy đơn hàng. Ngoài ra đơn giá xuất khẩu xơ, sợi trung bình của Việt Nam trong năm 2024 vẫn giảm so với mức nền thấp của năm 2023. Thêm vào đó thị trường Ấn Độ (một trong những thị trường xuất khẩu chính của công ty thời gian qua) yêu cầu chứng nhận BIS (Bureau of Indian Standards) khi xuất khẩu sang Ấn Độ. Đây là một rào cản để xuất khẩu sang thị trường Ấn Độ mà chúng tôi đã nhận thức được tầm quan trọng và nỗ lực thực hiện từ thời điểm tháng 04/2023, nhưng đến hiện tại vẫn chưa hoàn thành. Bên cạnh đó là rủi ro tỷ giá, với năm 2024 tỷ giá đã tăng 5.3% cũng là mức cao nhất kể từ năm 2016 khiến doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn. Tất cả những điều này cũng đã phần nào nói lên những khó khăn của người điều hành, người lao động để có thể duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh được ổn định. Công ty đã nỗ lực thúc đẩy bán hàng, chủ động tìm kiếm, khai thác thị trường trong nước và quốc tế. Tuy nhiên với hàng loạt khó khăn trên đã khiến tổng doanh thu thuần của công ty năm 2024 chỉ đạt 182,29 tỷ đồng, tăng 4.18% so với năm 2023. Lợi nhuận sau thuế năm 2024 âm 127.29 tỷ đồng (so với năm 2023 âm 322.41 tỷ đồng).



Danh sách các thành viên Ban điều hành

Bảng 2: Thành viên Ban điều hành

1. Thành viên Ban điều hành năm 2024:

Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
Ông Đỗ Văn Sinh	TV HĐQT - Tổng Giám đốc	0 cổ phần	0%
Ông Trần Xuân Tiến	TV HĐQT - Phó TGĐ	0 cổ phần	0%
Ông Đào Văn Nam	Phó TGĐ/Kế toán trưởng	0 cổ phần	0%

Sơ yếu lý lịch các thành viên ban điều hành:

Tổng Giám Đốc - Ông Đỗ Văn Sinh

Họ và tên : Đỗ Văn Sinh

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 31/03/1980

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Trình độ chuyên môn : Cử nhân quản trị kinh doanh

Chức vụ công tác : Tổng Giám đốc

Quá trình công tác

2004 – 2012: Trưởng phòng kinh doanh CTCP Tập đoàn Đại Cường

2013 – 2016: Phó Giám đốc kinh doanh CTCP Đầu tư và phát triển Đức Quân

2017 – 2018: Trợ lý TGĐ - Phó Giám đốc kinh doanh CTCP Xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung

T12/2018 - 4/2019: Giám đốc kinh doanh CTCP Đầu tư và phát triển Đức Quân

T4/2019 – nay: Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư và phát triển Đức Quân

Phó Tổng Giám đốc - Trần Xuân Tiến

Họ và tên : Trần Xuân Tiến
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 19/10/1975
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện – Cử nhân quản trị kinh doanh

Chức vụ công tác : Phó Tổng Giám đốc

Quá trình công tác

6/2007– 8/2010: nhân viên phòng kỹ thuật công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức

Quân

8/2010 - 10/2019: Trưởng phòng kỹ thuật

công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức

Quân

11/2019 - Nay: Phó Tổng Giám Đốc công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân

Kế toán trưởng - Ông Đào Văn Nam

Họ và tên : Đào Văn Nam
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 23/06/1990
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ QTKD - Cử nhân kế toán tài chính

Chức vụ công tác : Kế toán trưởng

Quá trình công tác

7/2018 – 12/2018: Nhân viên kế toán công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân

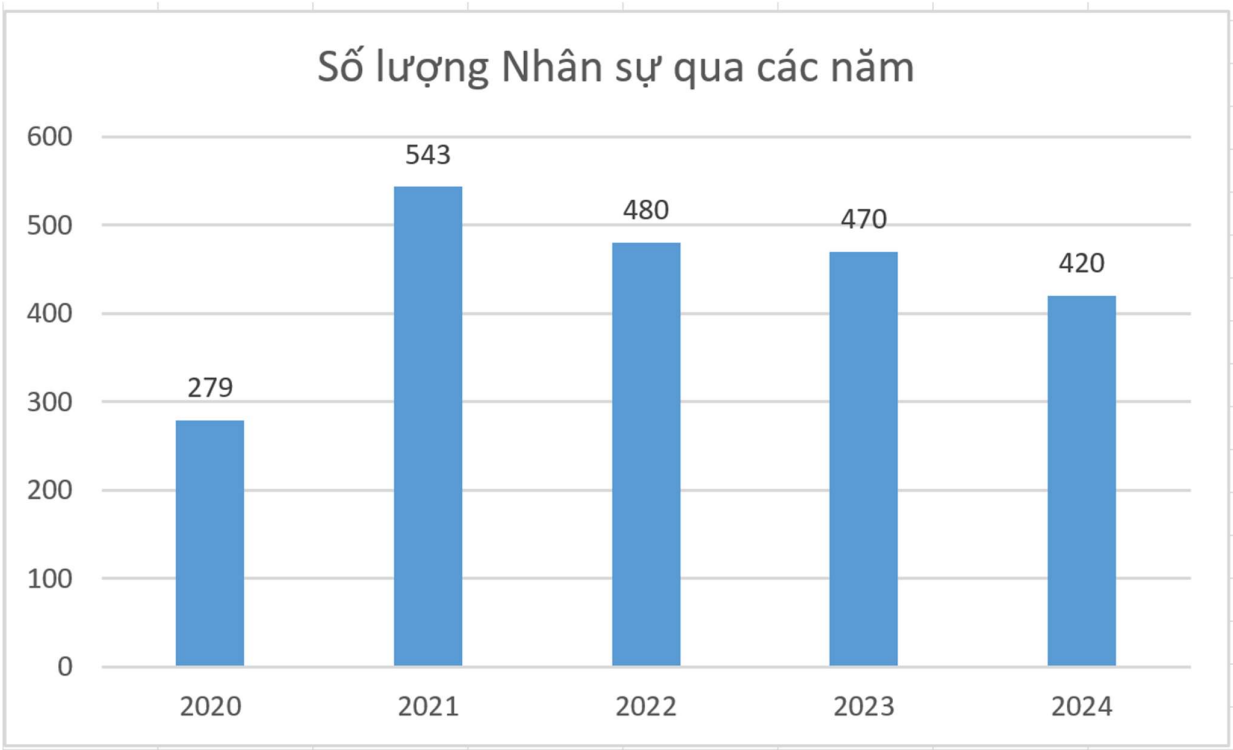
12/2018 - 11/2019: Phó phòng kế toán công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân

11/2019 - Nay: Kế toán trưởng công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân

Chính sách đối với người lao động

Số lượng lao động trong công ty:

Bảng 3: Số người lao động trong công ty theo năm.

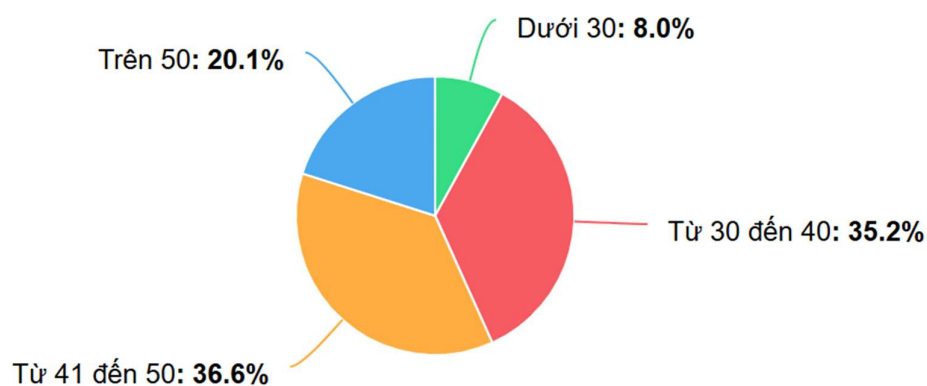


Năm 2023 Công ty thay đổi về thời gian làm việc trong ngày từ 3 ca sản xuất/ ngày sang 2 ca kéo dài/ điều này tối ưu hóa được việc huy động công của nhà máy cũng như tạo điều kiện cho CBCNV có thời gian tăng ca để tăng thu nhập. Vì vậy đã giảm được định biên nhân sự xuống 10% so với trước đây. Năm 2024 do sự dịch chuyển nghề nghiệp của người lao động, cũng như sự cạnh tranh nguồn nhân lực của các doanh nghiệp nước ngoài dẫn đến việc thiếu hụt nhân sự cục bộ.

Thống kê nhân sự theo Độ tuổi



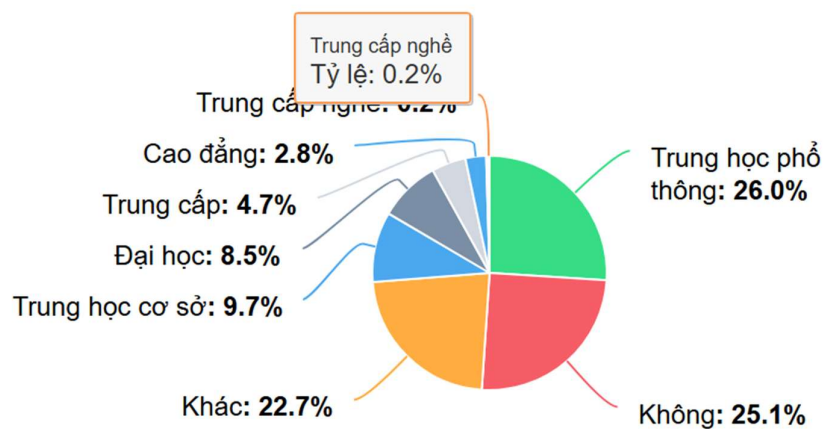
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân - Đến ngày 31/12/2024



Thống kê nhân sự theo Trình độ



Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân - Đến ngày 31/12/2024





Chính sách đối với người lao động:

Giá trị cốt lõi của công ty là tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho CBCNV bằng cách xây dựng cơ cấu tiền lương phù hợp, Chính sách tiền lương minh bạch, Phương thức tính lương khoán theo sản phẩm, khuyến khích được người lao động, tăng năng suất hiệu quả.

Bổ sung các khoản phụ cấp theo lương để khuyến khích người lao động như phụ cấp chuyên cần , phụ cấp tay nghề, phụ cấp ca đêm....Định kỳ hàng năm căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh, Công ty thưởng cho người lao động thêm khoản thu nhập tương đương bằng 1 tháng lương.

Công ty luôn ban hành quy chế Thưởng - Phạt vào mỗi năm trên tinh thần công khai, minh bạch, thưởng phạt rõ ràng. Thông báo trước cho người lao động nhằm khuyến khích người lao động gia tăng hiệu quả công việc đồng thời thực hiện đúng theo quy định của Công ty, duy trì nét văn hóa trong Doanh Nghiệp.

Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động chăm lo đời sống cho CBCNV như ngày 8/3, 20/10, chương trình tết sum vầy, tặng quà cho CBCNV có hoàn cảnh khó khăn. Tặng quà cho các cháu thiếu nhi ngày 1/6 và tết trung thu. Hàng năm tổ chức chương trình khuyến học động viên con em người lao động.

Các chính sách an toàn lao động được quan tâm hàng đầu, cung cấp cho nhân viên các thiết bị bảo hộ lao động, các biện pháp giữ an toàn và vệ sinh môi trường tốt để làm việc. Đồng thời xây dựng một môi trường làm việc công bằng, bình đẳng, cam kết thu hút và phát triển nhân tài, đảm bảo về vật chất và tinh thần cho đội ngũ cán bộ công nhân viên của Công ty.

Chính sách tuyển dụng:

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút nhân sự có năng lực và phù hợp với định hướng phát triển vào làm việc tại Công ty. Tùy vào từng vị trí tuyển dụng, Công ty đưa ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, cân bằng giữa tuyển dụng lao động trong nội bộ và bên ngoài Công ty. Chính sách tuyển dụng Công ty chú trọng quá trình sàng lọc đánh giá ứng viên phù hợp với từng vị trí làm việc, đánh giá người ứng tuyển không chỉ ở năng lực mà còn đánh giá phẩm chất, tinh thần học hỏi, trách nhiệm, cầu tiến và khả năng gắn bó lâu dài. Mỗi cá nhân ở bất kỳ vị trí nào đều tạo cơ hội cho phát triển bản thân, năng lực và thăng tiến, mỗi cá nhân được xem là mảnh ghép không thể thiếu, có ý nghĩa trong việc thực hiện mục tiêu chung của Công ty.

Thu hút lao động bên ngoài doanh nghiệp thông qua các phương tiện truyền thông, trung tâm giới thiệu việc làm, sàn giao dịch việc làm, hội chợ việc làm, thông báo tuyển dụng ở các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề... Công ty thu hút lao động ở các lĩnh vực: kỹ sư điện tử hóa, công nhân kỹ thuật cơ điện, lao động phổ thông trong các nhà máy ưu tiên những cá nhân có kinh nghiệm làm việc. Đặc biệt công ty có các chương trình thưởng động viên cho nhân viên mới vào làm việc, nhân viên có tay nghề, và cho cả người giới thiệu nhân viên vào công ty làm việc.

Chính sách đào tạo:

Đi đôi với công tác tuyển dụng, Công ty rất quan tâm và coi trọng việc đào tạo. Đào tạo trước khi làm việc, đào tạo trong khi làm việc và đào tạo nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng làm việc nhằm tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên thực hiện công việc một cách hiệu quả nhất và có cơ hội thử thách ở các vị trí cao hơn. Các khóa học ngắn hạn bên ngoài và các khóa đào tạo nội bộ thường xuyên được tổ chức định kỳ mỗi năm cho tất cả công nhân viên Công ty.

Thông qua việc đào tạo, nhân viên sẽ được nâng cao kiến thức, trình độ nghiệp vụ chuyên môn cùng các kỹ năng khác. Đồng thời, qua quá trình đào tạo, nhân viên cũng xác định được mục tiêu phát triển của bản thân phù hợp với mục tiêu phát triển của chung Công ty.

Các khóa đào tạo của Công ty được thiết kế một cách hiệu quả dựa trên yêu cầu thực tiễn hoạt động của từng bộ phận chức năng, nhằm đảm bảo cho cán bộ nhân viên có thể áp dụng được tối đa những kỹ năng, kiến thức đã được đào tạo vào trong công việc. Công ty tạo mọi điều kiện cho người lao động có cơ hội thăng tiến trong công việc, nhất là những người có tính cầu tiến, ham học hỏi, năng động, sáng tạo trong công việc.

Trong năm 2024 Công ty tổ chức 10 khóa đào tạo chuyên môn trong đó có 3 khóa đào tạo thuê đội ngũ chuyên môn bên ngoài, 7 khóa đào tạo nội bộ cho các quản lý nhà máy và người

lao động (Không kể các khóa đào tạo tay nghề hàng tháng cho người lao động mới)

Chế độ làm việc:

Công ty thực hiện chế độ lao động theo Luật Lao động và các quy định của Pháp luật. Về điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng được thiết kế khang trang, thoáng mát đảm bảo đến mức tối đa an toàn vệ sinh lao động, tạo điều kiện tốt nhất về điều kiện làm việc để người lao động phát huy được hiệu quả lao động. Nhà ăn thoáng mát, sạch đẹp , đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm. Nước uống có nhiều loại cho người lao động từ nước lọc, nước nóng, nước chè Mỗi người lao động được trang bị bình nước cá nhân riêng đảm bảo vệ sinh và thuận tiện trong công việc.

Các khoản đầu tư lớn

Bảng 4: Các khoản đầu tư lớn của Fortex

STT	Khoản đầu tư tài chính/Dự án	Tình hình thực hiện
1	Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng HDBank	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 2037040600000177 ngày 23/06/2023 của ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP.Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hải Phòng. Thời hạn hợp đồng tiền gửi 12 tháng từ ngày 23/06/2024 đến ngày 23/06/2025. Lãi suất tiền gửi 5.40%/năm, kỳ tính lãi ngày 23/12/2023. Hợp đồng tiền gửi là tài sản đảm bảo làm thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số 0006/24/PGDHĐa/HĐCBL/BL-HDB01 ngày 24/06/2024 với công ty Điện lực Thái Bình - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Miền Bắc.
2	Nhà máy kéo sợi Đức Quân 6	Dự án Nhà máy kéo sợi Đức Quân 6 được triển khai tại khu công nghiệp khí mỏ Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, và khởi công từ tháng 4 năm 2015 với tổng mức đầu tư 505.749,78 triệu đồng. Việc triển khai xây dựng nhà máy sợi Đức Quân 6 đang tạm ngừng, nguyên nhân do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid -19, lượng đơn đặt hàng giảm mạnh kéo theo nhu cầu sản xuất giảm nên Công ty đang tạm ngừng hoạt động xây dựng nhà máy trên. Chi phí xây dựng cơ bản đã thực hiện: 64.509 triệu đồng.

3	Khoản hợp tác đầu tư dự án bất động sản với Công ty Cổ phần Bất động sản New City	Khoản hợp tác đầu tư giữa giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân (Nhà đầu tư) và Công ty Cổ phần Bất động sản New City (Công ty) ký ngày 05/06/2019 về Dự án đầu tư, xây dựng khu nhà ở phù hợp với quy chuẩn quy hoạch đô thị được ban hành tại Quyết định phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu Đô thị phía Nam thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình số 3249/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 cho khu đất tọa lại tại phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình có diện tích đất của toàn bộ dự án là 490.185,3 m² để xây dựng nhà chia lô, công trình thương mại, công viên cây xanh, đất giao thông, đất kỹ thuật. Theo đó, Nhà đầu tư đồng ý góp vốn để phát triển dự án với số tiền là 50.000.000.000 đồng, tiến hành góp vốn trước ngày 31/12/2019. Nhà đầu tư sẽ chuyển tiền góp vốn vào tài khoản góp vốn; việc triển khai hợp đồng hợp tác đầu tư được thực hiện trong vòng 24 tháng kể từ ngày có hiệu lực Hợp đồng. Sau khi dự án thực hiện thành công, Công ty có trách nhiệm bàn giao cho Nhà đầu tư được quyền khai thác và sử dụng 15 Lô biệt thự với diện tích 6.000m² hoặc Công ty phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền góp vốn và một khoản lãi với lãi suất 7%/năm tính trên tổng số tiền Nhà đầu tư đã thực góp cho thời hạn kể từ ngày Nhà đầu tư chuyển khoản góp vốn cho đến ngày Công ty hoàn trả đầy đủ.
---	---	--

Các công ty con, công ty liên kết: Không có



Tình hình tài chính năm 2024 của Công ty

Bảng 5: Tình hình tài chính năm 2024 của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	639.436,93	782.341,94	-18,27%
Doanh thu thuần	182.290,76	174.982,04	4,18%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	- 174.248,76	- 248.163,56	-
Lợi nhuận khác	- 46.959,87	- 74.250,63	-
Lợi nhuận trước thuế	- 127.288,89	- 322.414,19	-
Lợi nhuận sau thuế	- 127.288,89	- 322.414,19	-
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2024 đã Kiểm toán)

Các chỉ tiêu tài chính

Bảng 6: Các chỉ tiêu tài chính

STT	Các chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024
1	Khả năng thanh toán		
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,2796	0,2452
-	Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,1947	0,1428
2	Cơ cấu vốn		
-	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	1,9036	2,3046
-	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	-2,1066	-1,7665
3	Năng lực hoạt động		
-	Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,19	0,26
-	Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	1,64	1,33
4	Khả năng sinh lời		
-	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-184,30%	-69,64%
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-41,12%	-19,91%
-	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần:	-141,80%	-69,64%

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2024 đã Kiểm toán)

Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành : **50.000.000 cổ phần**

Loại cổ phần đang lưu hành : **Cổ phần phổ thông**

Công ty không có cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng.

Cơ cấu cổ đông**Bảng 7: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2024**

Stt	Cổ đông	Số lượng	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông Nhà nước và cổ đông khác				
1	CĐ Nhà nước	-	-	0%
2	CĐ khác	4,839	50,000,000	100%
Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân				
1	CĐ là tổ chức	11	94,291	0.19%
2	CĐ cá nhân	4,828	49,905,709	99.81%
Theo tỷ lệ sở hữu				
1	CĐ lớn	2	15,866,500	31.73%
2	CĐ nhỏ	4,837	34,133,500	68.27%
Cổ đông trong nước và Cổ đông nước ngoài				
1	Cổ đông trong nước	4,821	49,737,580	99.48%
2	Cổ đông nước ngoài	18	262,420	0.52%
Tổng cộng		4,839	50,000,000	100%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân tiền thân là Công ty TNHH Dệt Đại Cường Thái Bình được chuyển đổi thành công ty cổ phần vào ngày 27/11/2013 theo GCN ĐKDN số 1000400095 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp với vốn điều lệ ban đầu là 150.000.000.000 đồng. Tính đến ngày 31/12/2024, công ty đã thực hiện các lần tăng vốn sau:

Lần	Thời gian hoàn thành	Vốn điều lệ tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (triệu đồng)	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
1	16/09/2015	280.000	430.000	Phát hành riêng lẻ cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 05/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/02/2015 thông qua phương án phát hành tăng vốn điều lệ - Giấy CN ĐKDN số 1000400095 thay đổi lần thứ 8 ngày 16/09/2015 - Cơ quan chấp thuận là Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình
2	31/12/2015	70.000	500.000	Phát hành riêng lẻ cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/12/2015 thông qua phương án phát hành tăng vốn điều lệ - Giấy CNĐKDN số 1000400095 thay đổi lần thứ 9 ngày 31/12/2015 - Cơ quan chấp thuận Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm 2024, Công ty không tiến hành mua bán cổ phiếu quỹ.

Các chứng khoán khác

Hiện tại, không có loại chứng khoán khác ngoài cổ phần phổ thông của CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân.

1. Mục tiêu đề ra:

- **Môi trường :**

Sử dụng tiết kiệm, sử dụng năng lượng tái tạo.

Áp dụng hệ thống tự động hóa trong quá trình sản xuất.

Kiên định thực hiện các biện pháp tiết giảm tiêu hao điện năng, nước và hạn chế tỷ lệ rác thải và phế phẩm.

- **Kinh tế :**

Tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận theo mục tiêu đề ra.

Phát triển dòng sản phẩm thân thiện với môi trường.

Duy trì các dòng hàng có giá trị gia tăng cao.

- **Xã hội :**

Chia sẻ lợi với các bên liên quan.

Nâng cao năng lực nguồn lao động thông qua các chương trình đào tạo .

Cải thiện môi trường làm việc và đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động.

Cải thiện các chính sách lao động, nâng cao kỹ năng làm việc và phát triển nghề nghiệp cho người lao động.

- **Giảm chất thải, rác thải:**

Tăng tỷ lệ tái chế phế loại

Tăng tỷ lệ tái chế sợi lỗi

Tăng tỷ lệ tái sử dụng vật liệu : ống giấy, bao bì, balet, nilon...

2. Giải pháp cụ thể :**Tiêu thụ năng lượng**

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã sử dụng nguồn năng lượng chính đến từ điện.

Trong quá trình vận hành nhà máy cũng như khối văn phòng, Công ty luôn chú trọng đến chiếu sáng môi trường làm việc, đồng thời sử dụng điện năng tiết kiệm, hiệu quả bằng cách:

- Kiểm soát tắt mở đèn theo thời gian làm việc, có các biện pháp phạt hợp lý cho những hành vi lãng phí điện, duy trì nhiệt độ điều hòa không khí ở chế độ hợp lý như 25 -26 độ C ban ngày.
- Bố trí kế hoạch sản xuất hợp lý, hạn chế vận hành các thiết bị tiêu thụ công suất điện lớn (như máy xé, máy bông, máy chải, máy nén khí...vào giờ cao điểm từ 17 giờ đến 20 giờ hàng ngày), không để các thiết bị điện hoạt động không tải.

- Đầu tư, cải tiến, thay thế dần các thiết bị cũ, lạc hậu, hiệu suất thấp bằng các thiết bị, công nghệ có hiệu suất cao và tiết kiệm điện;
- Lắp thêm các thiết bị đo đếm điện năng tại các bộ phận (tổ/đội/dây chuyền) sản xuất để kiểm soát lượng điện sử dụng, đồng thời giao trách nhiệm tiết kiệm điện cho các bộ phận trong doanh nghiệp thực hiện.
- Tuyên truyền sâu rộng tới toàn bộ CBCNV và người lao động về thực hành tiết kiệm điện, xem chi phí tiền điện là một trong những chỉ số trong chi phí đầu vào của doanh nghiệp, cần phải theo dõi thường xuyên và tiết kiệm tại tất cả các khâu trong sản xuất, kinh doanh.
- Công ty đang tiến hành triển khai lắp đặt các nguồn năng lượng xanh, năng lượng tái tạo như điện mặt trời.

Tiêu thụ giấy, văn phòng phẩm

Nhận thấy việc sử dụng VPP tiết kiệm, hiệu quả sẽ vừa tiết kiệm chi phí vừa bảo vệ môi trường, công ty đã triển khai các cách để CBCNV áp dụng:

- In hai mặt để tiết kiệm giấy
- Không in thừa
- Luôn đọc thử và xem trước
- Lưu trữ tất cả các tài liệu dưới file
- Tái sử dụng giấy đã in 1 mặt
- Sử dụng đúng kích cỡ giấy cho mục đích in

Trồng cây xanh

Duy trì tỷ lệ diện tích cho khuôn viên cây xanh, thường xuyên trồng thêm cây để đảm bảo không khí được thoáng mát bảo vệ môi trường như hút khí CO₂, cung cấp O₂ và ngăn giữ các chất khí bụi độc hại. Cây xanh còn có tác dụng hạn chế tiếng ồn.

Tiêu thụ nước

Nguồn cung cấp nước chính của Công ty đến từ nước máy.

Đối mặt với tình hình biến đổi khí hậu đang diễn ra ngày càng phức tạp như hiện nay, Công ty đề cao kiểm soát lượng nước sử dụng, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nước, tận dụng tối đa những nguồn nước phát sinh như nước mưa tự thu thập, nước từ sông, hồ trong quá trình sản xuất, lắp các đồng hồ đo nước tại mỗi bộ phận và giao trách nhiệm tiết kiệm cho từng bộ phận thực hiện, kiểm tra và khắc phục rò rỉ hàng năm. Đối với khối văn phòng, chúng tôi đã thực hiện cài đặt dòng chảy nhỏ và vừa cho các thiết bị vòi vệ sinh, giảm sử dụng nước cho cảnh quan trang trí...

Nước tiêu thụ trong công ty chủ yếu chỉ sử dụng cho sinh hoạt, không sử dụng cho sản xuất sản

phẩm.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong quá trình sản xuất, Công ty áp dụng quy trình xả thải phù hợp với pháp luật và quy định về môi trường. Bên cạnh đó, Fortex luôn không ngừng tham khảo, cập nhật các quy định, chính sách, tuyên truyền về bảo vệ môi trường tới từng bộ phận, từng nhân viên, đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt trong tác động tới môi trường.

Bên cạnh đó, hiện nay, công ty đang trong quá trình đổi mới, tăng tỷ trọng sản phẩm sợi tái sinh màu không qua tẩy nhuộm, không dùng chất tẩy nhuộm, thân thiện và bảo vệ môi trường.

Chính sách liên quan đến người lao động

Nhân viên của Fortex được chia ca làm việc, mỗi ngày có 2 ca sáng – tối, sắp xếp linh hoạt để nhân viên công ty có khoảng nghỉ, đảm bảo sức khỏe lao động, có cung cấp miễn phí 2 bữa ăn/ ca làm việc. Công ty cũng áp dụng đầy đủ chế độ nghỉ lễ tết, nghỉ thai sản, chế độ bảo hiểm thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước, hỗ trợ chi phí đi lại cho người lao động làm việc xa, trả lương làm ngoài giờ và có thưởng thêm cho các nhân viên hoàn thành tốt công việc.

Về an toàn lao động, Công ty cấp phát đồ dùng bảo hộ đầy đủ cho nhân viên như quần áo, mũ nón, tạp dề, găng tay... theo định kỳ. Ở nơi làm việc cũng trang bị đầy đủ thiết bị phòng chống cháy nổ, chập điện, nhân viên được đào tạo kiến thức về an toàn phòng cháy chữa cháy, luôn đề cao tinh thần cảnh giác. Cũng trong năm 2024, Fortex đã mở những khóa đào tạo nội bộ nâng cao tay nghề người lao động, đào tạo kỹ năng quản lý cho cấp quản lý nhà máy từ trưởng ca, quản đốc, nâng cao trình độ chuyên môn để đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế hiện đại 4.0.

**TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT
KINH DOANH NĂM 2024**

Năm 2024 là năm bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, xung đột leo thang ở nhiều khu vực, giá xăng dầu, cước vận tải biến động mạnh, kinh tế thương mại phục hồi chậm, đặc biệt tổng đầu tư toàn cầu sụt giảm, thiên tai, biến đổi khí hậu, an ninh năng lượng diễn biến phức tạp nên kết quả của ngành dệt may chưa có nhiều khởi sắc. Sức tiêu thụ của thị trường chậm dẫn đến các đơn hàng bị tạm dừng thậm chí hủy đơn hàng. Ngoài ra đơn giá xuất khẩu xơ, sợi trung bình của Việt Nam trong năm 2024 vẫn giảm so với mức nền thấp của năm 2023. Thêm vào đó thị trường Ấn Độ (một trong những thị trường xuất khẩu chính của công ty thời gian qua) yêu cầu chứng nhận BIS (Bureau of Indian Standards) khi xuất khẩu sang Ấn Độ. Đây là một rào cản để xuất khẩu sang thị trường Ấn Độ mà chúng tôi đã nhận thức được tầm quan trọng và nỗ lực thực hiện từ thời điểm tháng 04/2023, nhưng đến hiện tại vẫn chưa hoàn thành. Bên cạnh đó là rủi ro tỷ giá, với năm 2024 tỷ giá đã tăng 5.3% cũng là mức cao nhất kể từ năm 2016 khiến doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn. Tất cả những điều này cũng đã phần nào nói lên những khó khăn của người điều hành, người lao động để có thể duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh được ổn định.

Công ty đã nỗ lực thúc đẩy bán hàng, chủ động tìm kiếm, khai thác thị trường trong nước và quốc tế. Tuy nhiên với hàng loạt khó khăn trên đã khiến tổng doanh thu thuần của công ty năm 2024 chỉ đạt 182,29 tỷ đồng, tăng 4.18% so với năm 2023. Lợi nhuận sau thuế năm 2024 âm 127.29 tỷ đồng (so với năm 2023 âm 322.41 tỷ đồng).

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trước ảnh hưởng của các khó khăn đến từ phía ngoài doanh nghiệp như các khó khăn của nền kinh tế nói chung và ngành dệt may nói riêng, các khó khăn đến từ nội tại doanh nghiệp như không tiếp cận được các nguồn tài trợ vốn, thiếu hụt lao động, ảnh hưởng biến động tỷ giá. Đặc biệt trong năm 2024 Công ty phải hứng chịu cơn bão Yagi (cơn bão số 3 năm 2024) gây thiệt hại không nhỏ. Mặc dù vậy ban tổng giám đốc đã luôn bám sát, báo cáo và nhận sự chỉ đạo của Hội đồng Quản trị cùng với sự nỗ lực quyết tâm cao từ toàn thể cán bộ công nhân viên đã giúp Công ty khắc phục được những khó khăn, duy trì sự ổn định hoạt động SXKD. Tuy nhiên trước những khó khăn chung của thị trường, công ty không đạt kế hoạch kinh doanh đã đề ra. Kết quả thực hiện năm 2024 với 183 tỷ đồng doanh thu và lợi nhuận âm 127 tỷ đồng.

Bảng 8: Giá trị kế hoạch và thực hiện năm 2024

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch
A	B	C	(1)	(2)	(3=2/1)
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	667	183	27%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	6	-127	-
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	4.8	-127	-

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán)

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến việc không hoàn thành kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trước tình hình thực sự khó khăn của năm 2024, Ban Lãnh Đạo Công ty đã định hướng tập trung tăng năng suất lao động, tiết giảm chi phí để tháo gỡ khó khăn, với các biện pháp cụ thể như:

- + Thay đổi công nghệ sản xuất tối ưu hiệu suất, năng suất, chất lượng tăng tính cạnh tranh trong sản phẩm

- +Tiết kiệm điện năng, khai thác công suất thiết bị trong giờ thấp điểm.

- + Sắp xếp nhân sự theo hướng tinh gọn mạnh phù hợp hiệu quả.

- + Cải tiến máy móc, nội địa hoá các vật tư.

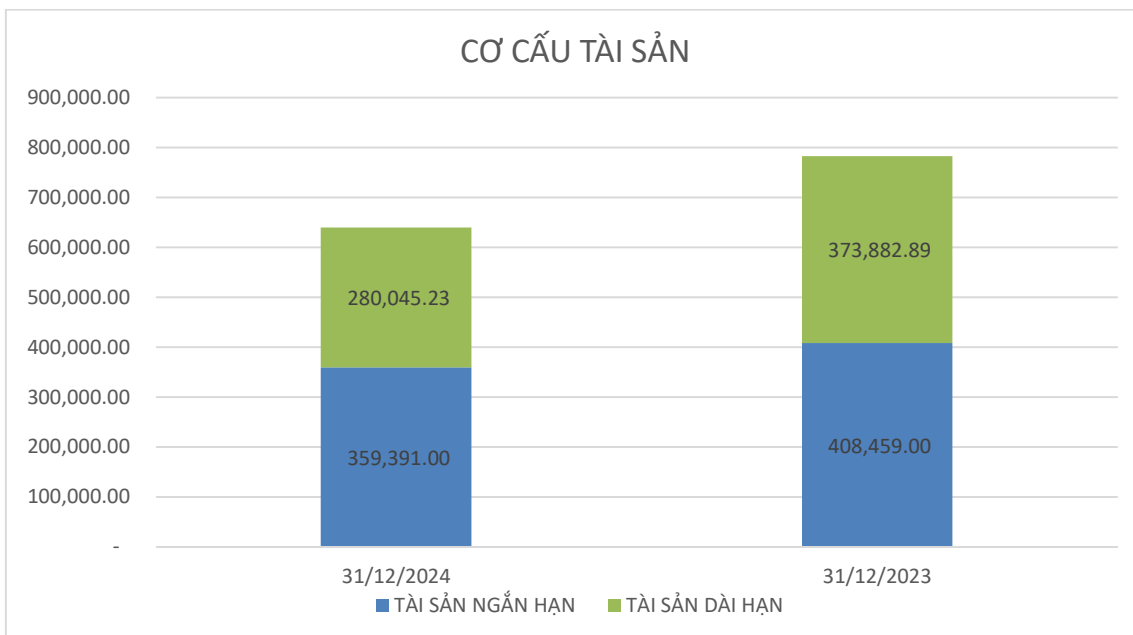
Công tác bán hàng, phát triển thị trường trong năm 2024 cũng được chú trọng với mục tiêu ưu tiên xuất khẩu. Công ty đã thành lập ban dự án cấp giấy chứng nhận BIS để tập trung hoàn thành giấy chứng nhận sớm nhất phục vụ cho việc xuất các đơn hàng xuất khẩu. Tuy nhiên với những thủ tục phức tạp từ chính phủ Ấn Độ cộng với việc trì hoãn nhiều lần sang đánh giá từ phía Ấn Độ mà đến hiện tại Công ty vẫn chưa thể hoàn thành giấy chứng nhận BIS.

Với thị trường nội địa Công ty cũng gặp nhiều khó khăn do nhu cầu yếu, bị ảnh hưởng rất lớn từ giá sợi nhập khẩu từ Trung Quốc, Thái Lan. Nhiều đơn vị trong nước để giành được đơn hàng đã chấp nhận bán với giá rất thấp khiến thị trường đã khó càng khó khăn hơn. Tuy nhiên Công ty đã chi tiết hơn trong việc lập kế hoạch mua nguyên liệu, tập trung sản xuất các mặt hàng đáp ứng thị trường, nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu trong nước. Chú trọng phát triển thêm các khách hàng ở Hồ Chí Minh, Hà Nội.... Nâng cao chất lượng sản phẩm bằng cách lựa chọn nguồn nguyên liệu tốt hơn, quản lý sản xuất nâng cao năng suất, sản lượng và chất lượng. Phục vụ tốt các khách hàng truyền thống của công ty và phát triển thêm các khách hàng mới.

Với công tác tài chính kế toán công ty cũng gặp nhiều khó khăn khi tiếp cận vốn từ các tổ chức tín dụng trong nước. Vì vậy Ban Lãnh Đạo cũng chỉ đạo tiếp cận nguồn vốn từ nhiều nguồn khác nhau và cả từ nước ngoài. Từ cuối năm 2024 Công ty cũng đã làm việc với đối tác cung cấp vốn nhập mua nguyên liệu tuy với hạn mức không lớn nhưng cũng đã một phần đáp ứng được nhu cầu nhập mua nguyên liệu của Công ty. Trong thời gian tới sẽ tiếp tục tìm kiếm đối tác mới và nâng hạn mức với đối tác cũ để công ty có thêm nguồn vốn kinh doanh, nhập mua nguyên liệu dự trữ trong những thời điểm thích hợp

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản



Bảng cơ cấu tài sản của doanh nghiệp

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2024	31/12/2023	Biến động 2024 so với 2023 (%)
1	TÀI SẢN NGẮN HẠN	359.391,00	408.459,00	-12%
1.1	Tiền và tương đương tiền	8.733,00	1.086,98	703%
1.2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.500,00	1.500,00	0%
1.3	Các khoản phải thu	198.214,00	277.790,83	-29%
1.4	Hàng tồn kho, ròng	149.990,00	124.060,09	21%
1.5	Tài sản ngắn hạn khác	953,00	4.021,15	-76%
2	TÀI SẢN DÀI HẠN	280.045,23	373.882,89	-25%
2.1	Phải thu dài hạn	24.166,37	68.142,79	-65%
2.2	Tài sản cố định	189.568,22	238.697,98	-21%
2.3	Tài sản dở dang dài hạn	64.048,71	64.048,71	0%
2.4	Đầu tư tài chính dài hạn			0%
2.5	Tài sản dài hạn khác	2.261,93	2.993,42	-24%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		639.436,93	782.341,94	-18%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024

Cơ cấu Nguồn vốn Doanh nghiệp

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2024	31/12/2023	Biến động 2024 so với 2023 (%)
1	Nợ ngắn hạn	1.465.973,00	1.461.066,61	0,34%
	Phải trả cho người bán ngắn hạn	49.041,94	48.703,90	0,69%
	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.203,73	10.421,15	26,70%
	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21,08	28,23	-25,33%
	Phải trả người lao động	3.063,60	6.103,12	-49,80%
	Chi phí phải trả ngắn hạn	587.099,48	595.021,03	-1,33%
	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	505,61	236,64	113,66%
	Phải trả ngắn hạn khác	27.261,43	20.940,21	30,19%
	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	785.272,25	779.489,19	0,74%
	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	123,15	12.315,00	-99,00%
2	Nợ dài hạn	7.704,53	28.227,05	-72,71%
	Chi phí phải trả dài hạn	-	20.522,52	-100,00%
	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	7.704,53	7.704,53	0,00%
3	Vốn chủ sở hữu	-834.240,60	-706.951,71	18,01%
	Vốn góp của chủ sở hữu	500.000,00	500.000,00	0,00%
	Quỹ đầu tư phát triển	9.142,93	9.142,93	0,00%
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-1.343.383,53	-1.216.094,64	10,47%
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	639.436,93	993.717,33	-35,65%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Năm 2024, công ty tiếp tục dần tinh gọn bộ máy quản lý điều hành để phù hợp hơn với tình hình sản xuất kinh doanh. Áp dụng số hóa nhiều hơn trong công tác quản lý, số hóa sâu vào phòng ban khối văn phòng cũng như vào từng ca khối sản xuất giúp việc điều hành được nhanh chóng, kịp thời hơn.

Trong sản xuất công ty tập trung vào việc giảm chi phí như tiền điện, quản lý tốt tiêu hao nguyên liệu, thúc đẩy năng suất lao động cá nhân, tập thể. Tập trung hơn vào công tác quản lý và nâng cao chất lượng sản phẩm, coi đây là một trong những nhiệm vụ tiên quyết trong mục tiêu hoạt động của công ty.

Công ty chú trọng tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ, coi đây là công cụ quản lý quan trọng và bền vững.

Hoàn thiện những hạn chế của việc chuyển đổi mô hình sản xuất từ 3 ca sang mô hình sản xuất 12 tiếng vừa giúp tăng thu nhập cho NLĐ, từ đó hỗ trợ công tác tuyển dụng và giữ chân lao động, giúp tiết giảm chi phí nhân công có tính chất cố định/đvsp



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Ban Tổng Giám đốc đã đưa ra một số giải pháp cho năm 2025 như sau:

Trước những đánh giá khó khăn và thách thức trong năm 2025. Hội Đồng Quản Trị và Ban Lãnh Đạo Công ty đã định hướng và đặt ra mục tiêu cụ thể cho từng nhà máy, với những giải pháp cụ thể như sau:

- **Giải pháp về sản xuất:** Năm 2025 công tác sản xuất tập trung theo hướng tiết giảm chi phí, tối ưu hiệu suất máy móc, năng suất lao động, tăng chất lượng và tính cạnh tranh trong sản phẩm, tiết kiệm điện năng, khai thác công suất thiết bị trong giờ thấp điểm. Đồng thời sắp xếp nhân sự theo hướng tinh gọn mạnh phù hợp hiệu quả, cải tiến máy móc, nội địa hoá các vật tư nhằm tiết giảm chi phí tối ưu sản xuất. Công ty vẫn tiếp tục duy trì việc đa dạng hóa các mặt hàng sợi với các dải chi số đa dạng bao gồm: sợi 100% cotton, sợi 100% Polyester nguyên sinh và sợi 100% Polyester tái sinh thân thiện với môi trường. Đặc biệt là sợi tái sinh Công ty đánh giá là xu hướng tương lai có nhiều cơ hội để phát triển nên sẽ ưu tiên phát triển mặt hàng này. Với mặt hàng sợi nguyên sinh công ty đã chủ động lựa chọn nguồn nguyên liệu tốt

hơn để nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng những khách hàng yêu cầu khắt khe về chất lượng. Đối với mặt hàng sợi 100% cotton chúng tôi đánh giá vẫn còn khó khăn trong năm 2025, mặt khác mặt hàng này cần nguồn vốn lớn để hoạt động, trong tình hình hiện nay chưa phù hợp với Công ty nên chúng tôi vẫn định hướng gia công đối với mặt hàng 100% cotton.

- **Giải pháp về công tác bán hàng, phát triển thị trường:** Công ty đánh giá công tác bán hàng và chăm sóc khách hàng sau bán hàng là một phần quan trọng trong chiến lược phát triển của Công ty. Tập trung đẩy mạnh công tác bán hàng, thăm khách hàng thường xuyên và lắng nghe những yêu cầu từ khách hàng, từ đó tập trung sản xuất các mặt hàng đáp ứng từng thị trường cụ thể. Chú trọng phát triển thêm các khách hàng ở Hồ Chí Minh, Hà Nội... Với thị trường xuất khẩu, kế hoạch của Công ty chú trọng vào làm giấy chứng nhận BIS và kỳ vọng từ quý 3/2025 sẽ hoàn thành để xuất khẩu sang thị trường Ấn Độ.
- **Giải pháp về tài chính:** Việc thiếu hụt vốn lưu động trong khi không thể tiếp cận được các vốn vay của ngân hàng thương mại, khiến công ty không chủ động được nguồn nguyên liệu mua dự trữ khi có giá tốt. Vì vậy trong năm 2025 Công ty đã có kế hoạch cụ thể đàm phán với Công ty tài chính nước ngoài nâng hạn mức cho vay mua nguyên liệu. Đồng thời có những chính sách bán hàng thu tiền trước phù hợp với từng khách hàng để tận dụng tối đa nguồn tài chính của khách hàng.



GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Trong năm tổng số thuế GTGT công ty đã phát sinh bù trừ là 14.9 tỷ đồng; Số tiền thuế GTGT hàng nhập khẩu và thuế nhập khẩu đã thực nộp bằng tiền là 10 tỷ đồng, tiền thuê đất phát sinh là 499 triệu, thuế TNCN phát sinh đã nộp 52.6 triệu đồng. Công ty không phát sinh nợ thuế, không bị cưỡng chế hóa đơn. Do vậy hoạt động SXKD của công ty vẫn hoạt động bình thường.

Tất cả các khoản vay của Công ty đều có tài sản đảm bảo. Công đã luôn chủ động báo cáo các ngân hàng liên quan các khó khăn chung của thị trường, với nhiều chính sách, giải pháp điều hành hỗ trợ, phục hồi sản xuất từ các cơ quan nhà nước tới các ngân hàng, công ty lên kế hoạch tái cơ cấu về tổ chức, kinh doanh và quản lý tài chính bao gồm cơ cấu lại khoản nợ vay quá hạn như đã nêu ở trên, trong năm 2024 công ty đã làm việc với ngân hàng để xóa nợ lãi chậm trả hơn 106 tỷ đồng, đồng thời ký kết phụ lục hợp đồng bổ sung không tính lãi chậm trả và sớm tìm giải pháp để bổ sung nguồn vốn sản xuất kinh doanh.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Về hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong bối cảnh thị trường toàn cầu đầy biến động, ngành dệt may Việt Nam tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn: nhu cầu tiêu dùng suy giảm, chi phí nguyên liệu tăng cao và những tác động từ biến động kinh tế quốc tế. Tuy nhiên, với chiến lược đúng đắn và sự đồng lòng của toàn thể cán bộ nhân viên, chúng ta đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Năm 2024, doanh thu của công ty đạt 183 tỷ đồng, tăng trưởng so với con số 175 tỷ đồng của năm 2023. Điều này cho thấy sự nỗ lực không ngừng của chúng ta trong việc duy trì và phát triển thị trường. Đáng chú ý, lợi nhuận của công ty tuy vẫn âm nhưng đã có sự cải thiện đáng kể. Nếu như năm 2023, chúng ta ghi nhận mức lỗ 322 tỷ đồng, thì đến năm 2024, con số này đã giảm xuống còn 127 tỷ đồng. Đây là minh chứng cho những bước tiến trong việc tối ưu hóa chi phí, nâng cao hiệu suất sản xuất, nỗ lực làm việc với các tổ chức tín dụng trong việc xóa lãi, giảm lãi và tìm kiếm các cơ hội mới trong một thị trường đầy thách thức.

Công tác quản trị công ty:

HĐQT luôn chỉ đạo các bộ phận thực hiện theo Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ và Quy chế hoạt động của HĐQT và đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Công tác quản lý, giám sát tài chính:

Trước những thách thức về công nợ và rủi ro tài chính, công ty đã chủ động thực hiện trích lập các khoản phải thu khó đòi, qua đó giảm thiểu nguy cơ tổn thất và đảm bảo tính minh bạch trong báo cáo tài chính. Đồng thời, chính sách bán hàng thu tiền trước đã được áp dụng, giúp cải thiện dòng tiền và giảm áp lực tài chính trong hoạt động kinh doanh.

Bên cạnh đó, công ty đã tích cực đôn đốc công nợ, đảm bảo thu hồi kịp thời các khoản phải thu phát sinh, tránh tình trạng công nợ kéo dài gây ảnh hưởng đến hoạt động chung. Đặc biệt, nhờ sự chủ động và linh hoạt trong công tác quản lý tài chính, công ty đã thành công trong việc xin xóa lãi quá hạn và điều chỉnh không tính phạt lãi vay quá hạn. Điều này không

chỉ giúp giảm áp lực chi phí tài chính mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho các kế hoạch kinh doanh trong thời gian tới.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban tổng giám đốc Công ty trong công tác sản xuất kinh doanh nhằm phù hợp với mục tiêu, kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Năm 2024 là một năm đầy thử thách đối với ngành sợi nói riêng và toàn bộ chuỗi giá trị ngành dệt may nói chung. Hội đồng quản trị đánh giá cao sự chủ động, linh hoạt trong công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc với những chỉ đạo kịp thời, sát sao, ứng phó hợp lý với những khó khăn của thị trường cố gắng duy trì sản xuất cả 3 nhà máy, đảm bảo hoạt động của Công ty trong khi vẫn đảm bảo các yêu cầu về quản trị rủi ro, nhất quán với đường lối chiến lược đề ra cụ thể như sau:

- Ban Tổng giám đốc luôn kịp thời tiếp thu, triển khai kịp thời các Nghị Quyết Hội đồng quản trị, hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.
- Công tác quản trị tài chính được thực hiện minh bạch, nghiêm túc và kịp thời. Ban Tổng giám đốc tiến hành đôn đốc, tích cực thu hồi các khoản nợ khó đòi.
- Thực hiện chính sách bán hàng linh động, đẩy mạnh công tác phát triển thị trường giúp duy trì doanh số bán hàng, giảm hàng tồn kho, luân chuyển dòng tiền tài chính.
- Về mục tiêu môi trường: Ban điều hành tiếp tục đưa vào sản xuất dòng sản phẩm sợi tái sinh mẫu không qua tẩy nhuộm thân thiện môi trường đồng thời nỗ lực thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng sản xuất đồng thời giảm mức tác động đến môi trường xung quanh, thông qua việc cắt giảm tiêu thụ năng lượng, nước, giảm lượng khí thải và quản lý tốt chất lượng rác thải, nước thải.
- Các thành viên trong Ban điều hành đã làm tốt vai trò, trách nhiệm của mình trong việc dẫn dắt, điều phối các bộ phận chuyên môn cùng hướng tới mục tiêu và lợi ích cao nhất của Công ty, nhờ đó giữ vững niềm tin từ người lao động, đối tác, khách hàng và các bên liên quan.

CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT NĂM 2025

Năm 2025, công ty tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức và rủi ro trong bối cảnh thị trường dệt may toàn cầu vẫn chưa có dấu hiệu phục hồi mạnh mẽ. Nhu cầu tiêu dùng tại các thị trường xuất khẩu lớn có thể tiếp tục suy giảm do áp lực lạm phát và biến động kinh tế. Đồng thời, chi phí nguyên liệu đầu vào, logistics và nhân công có xu hướng tăng cao, tạo ra áp lực lớn đối với hiệu quả sản xuất và lợi nhuận của công ty. Các yêu cầu khắt khe hơn về tiêu chuẩn môi trường, trách nhiệm xã hội và quản trị doanh nghiệp (ESG) cũng đặt ra những thách thức không nhỏ đối với hoạt động kinh doanh trong dài hạn.

Trước những rủi ro đó, Hội đồng quản trị xác định định hướng hoạt động kinh doanh năm 2025 cần tập trung vào các giải pháp trọng tâm sau:

Thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 với mục tiêu tối ưu hóa chi phí, nâng cao năng suất và cải thiện hiệu quả quản trị chuỗi cung ứng. Công ty sẽ tiếp tục tìm kiếm các giải pháp mua nguyên liệu hiệu quả, tăng cường hợp tác với đối tác chiến lược để đảm bảo nguồn cung ổn định với chi phí hợp lý.

Gắn kết hoạt động sản xuất kinh doanh với phát triển bền vững, tập trung vào việc phát triển các dòng sản phẩm thân thiện với môi trường như sợi tái sinh màu không qua tẩy nhuộm, đồng thời thực hiện các biện pháp giảm tiêu thụ năng lượng, nước, khí thải và tối ưu hóa quản lý chất thải trong quá trình sản xuất.

Tăng cường năng lực tài chính, kiểm soát chặt chẽ công tác quản trị dòng tiền, duy trì chính sách bán hàng linh hoạt, thúc đẩy thu hồi công nợ và tìm kiếm các giải pháp tài chính hiệu quả nhằm giảm áp lực chi phí vốn.

Đẩy mạnh phát triển thị trường, mở rộng mạng lưới khách hàng, khai thác các phân khúc tiềm năng và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu để giảm thiểu rủi ro phụ thuộc vào một số thị trường truyền thống.

Ứng dụng công nghệ và nâng cao chất lượng sản phẩm, tiếp tục đầu tư vào cải tiến công nghệ sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng và gia tăng năng lực cạnh tranh.

Hội đồng quản trị tin rằng, với chiến lược phù hợp cùng sự nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc và toàn thể cán bộ nhân viên, công ty sẽ từng bước vượt qua thách thức, củng cố vị thế trên thị trường và hướng tới phát triển bền vững trong tương lai.

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bảng 11: Thành viên HĐQT Fortex ngày 31/12/2024

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1.	Lê Mạnh Thường	Chủ tịch HĐQT	5.100.000	10,2%
2.	Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên độc lập HĐQT	0	0%
3.	Đỗ Văn Sinh	Thành viên HĐQT/ Tổng giám đốc	0	0%
4.	Trần Xuân Tiến	Thành viên HĐQT/Phó Tổng giám đốc.	0	0%
5.	Đào Thị Huệ	Thành viên HĐQT	0	0%

SƠ YẾU LÝ LỊCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT – ÔNG LÊ MẠNH THƯỜNG

Năm sinh : 1975
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Thái Thụy , Thái Bình

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác : -Tổng giám đốc Công ty Vinaland.

Quá trình công tác:
2006 – 2013: Chủ tịch HĐQT CTCP Vinaland
2006 – 2016: Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư và phát triển Phú Việt
2013 – nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư và phát triển Đức Quân

Thành viên HĐQT - ÔNG ĐỖ VĂN SINH

Năm sinh : 1980
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Quê quán : Thái Thụy, Thái Bình

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không có

Quá trình công tác:
2004 - 2012: Trưởng phòng kinh doanh CTCP Tập đoàn Đại Cường
2013 - 2016: Phó Giám đốc kinh doanh CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân
2017-2018:Trợ lý TGĐ, Phó Giám Đốc Kí CTCP Xuất nhập khẩu thủy sản miền trung
12/2018 - 4/2019: Giám đốc kinh doanh CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân
4/2019 - Nay: Tổng Giám Đốc CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân

Thành viên HĐQT - ÔNG NGUYỄN HOÀNG GIANG

Năm sinh	: 1980	Quá trình công tác:
Quốc tịch	: Việt Nam	10/2002 - 6/2007: Trưởng bộ phận chế độ
Dân tộc	: Kinh	tài chính kế toán tổng hợp - phòng tài chính kế
Quê quán	: Kim Bảng, Hà Nam	toán
		- Bưu điện Hà Nội
Trình độ chuyên môn	: Tiến sĩ kinh tế	7/2007 - 2/2010: Phó phòng tư vấn CTCP Chứng
		khoán Bảo Việt
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: TV HĐQT tại công ty cổ phần Fideco	2/2008 - 4/2010: TV Ban kiểm soát CTCP Khoáng
	Trưởng BKS CTCP Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh.	sản Bắc Kạn
		3/2010 - 2/2012: PGĐ chi nhánh Hà Nội, PGĐ
		Ngân hàng đầu tư, GD khối tư vấn TCDN, CTCP
		Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn thương tín
		4/2010 - 6/2012: TV HĐQT CTCP Thép Đình Vũ
		3/2012 - 1/2013: Giám đốc tư vấn CTCP Bamboo
		Capital
		3/2012 - 4/2013: TV Ban kiểm soát CTCP bảo
		hiểm AAA
		02/2013 - 6/2013: Trưởng phòng tư vấn CTCP
		chứng khoán quốc gia
		6/2015 – Nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ
		phần Fideco
		10/2015 – 03/2017: TV HĐQT kiêm Tổng giám
		đốc CTCP XNK Thủy Sản Miền Trung.
		8/2015 – 5/2020: Trưởng Ban kiểm soát Công ty
		Cổ phần Bất động sản và Xây dựng Trường
		Thành
		08/2018 – 09/2020: Phó TGD Công ty Cổ phần
		Chứng khoán Quốc gia
		05/2016 – 04/2021: Trưởng Ban kiểm soát CTCP
		Dược Danapha.
		9/2015 – Nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ
		phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân
		06/2020 – Nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty
		cổ phần XNK Y tế TPHCM

Thành viên HĐQT – BÀ ĐÀO THỊ HUỆ

Năm sinh : 1985

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Hưng Hà, Thái Bình

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư tự động hóa

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không

Quá trình công tác:

2011 – 2012 : Nhân viên phòng Kế hoạch – XNK Công ty CP Tập đoàn Đại Cường

2012 – 2015 : Phó phòng Kế hoạch – XNK Công ty CP Tập đoàn Đại Cường

2016 – 2018 : Phó phòng Hành chính Nhân sự Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đức Quân

09/2017 – 09/2018 : Thư ký HĐQT Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đức Quân

04/2019 – 04/2020 : Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đức Quân

2019 – Nay : Giám đốc mua hàng Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đức Quân

Thành viên HĐQT - ÔNG TRẦN XUÂN TIẾN

Năm sinh : 1975

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Vũ Thư, Thái Bình

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư công nghiệp, Cử nhân Quản trị kinh doanh

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không

Quá trình công tác:

08/2010 – 11/2019: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đức Quân

11/2019 – Nay: Phó tổng giám đốc phụ trách sản xuất Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đức Quân

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thông tin về hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) năm 2024:

Bảng 12: Thông tin về thành viên của HĐQT

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Lê Mạnh Thường	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/06/2021	4/4	100%	
2	Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên độc lập HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/06/2021	4/4	100%	
3	Đỗ Văn Sinh	TV HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/06/2021	4/4	100%	
4	Trần Xuân Tiến	TV HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/06/2021	4/4	100%	
5	Đào Thị Huệ	TV HĐQT không điều hành	Bổ nhiệm ngày 27/06/2021	4/4	100%	

Trong năm 2024, HĐQT đã thông qua 8 nghị quyết:

Bảng 13: Các nghị quyết HĐQT

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	25/2024/NQ-FTM-HĐQT	27/03/2024	Thông qua báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán.
2	26/2024/NQ-FTM-HĐQT	27/03/2024	Thông qua việc gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.
3	42/2024/NQ-FTM-HĐQT	10/05/2024	Thống nhất thời gian chốt danh sách cổ đông

			để thực hiện quyền tham dự đại hội, dự kiến thời gian, địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.
4	51/2024/NQ-FTM-HĐQT	05/06/2024	Thông nhất thời gian, địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 và thông qua chương trình, tài liệu trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.
5	71/2024/NQ-FTM-HĐQT	02/07/2024	Thông nhất thời gian, địa điểm, chương trình tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 lần thứ 02.
6	81/2024/NQ-FTM-HĐQT	26/07/2024	Thông qua việc lựa chọn đơn vị : CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA) là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính soát xét bán niên và báo cáo tài chính năm 2024.
7	99/2024/NQ-FTM-HĐQT	14/08/2024	Thông qua báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA).
8	115/2024/NQ-FTM-HĐQT	30/08/2024	Bổ nhiệm vị trí Phó Tổng giám đốc phụ trách tài chính Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân kể từ ngày 01/09/2024 đối với Ông Đào Văn Nam.

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngày 25/06/2020, Hội đồng quản trị ra Quyết định thành lập tiểu ban kiểm toán nội bộ (Ủy ban kiểm toán). Sau thời gian thành lập, Ủy ban kiểm toán nội bộ hoạt động theo Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đã đề ra.

Bảng 14: Thông tin về thành viên Ủy ban kiểm toán năm 2024:

STT	Thành viên UBKT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV Ủy ban kiểm toán	Trình độ chuyên môn
1	Ông Nguyễn Hoàng Giang	TV HĐQT độc lập	05/07/2021	Tiến sỹ kinh tế
2	Bà Đào Thị Huệ	TV HĐQT	05/07/2021	Kỹ sư điện tự động hóa

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Những thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành đã tích cực tham gia quản trị công ty nói chung cũng như Ban Tổng Giám đốc nói riêng; đưa ra những đánh giá, những ý kiến khách quan nhằm mục tiêu cuối cùng là để kiện toàn công tác quản trị công ty; đồng thời hoàn thành nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông giao phó.

- Giám sát hoạt động quản trị và điều hành của HĐQT, Ban điều hành
- Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết HĐQT
- Giám sát tình hình tài chính công ty.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT hàng quý và theo yêu cầu, đóng góp ý kiến độc lập, khách quan để cùng HĐQT thảo luận, đánh giá và hỗ trợ đưa ra những quy định tối ưu.

Trong năm 2024, Ủy ban kiểm toán có 2 cuộc họp:

Bảng 15: Các cuộc họp Ủy ban kiểm toán năm 2024

STT	Thành viên UBKT	Số buổi họp	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Nguyễn Hoàng Giang	2	100%	100%
2	Đào Thị Huệ	2	100%	100%

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Lương, thưởng, thù lao

Theo Khoản 3 Điều 163 Luật Doanh Nghiệp 2020, thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị, tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, đã được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty. Tổng lương, thưởng, thù lao của HĐQT và Ban Tổng giám đốc công ty năm 2024 là 1.174.514.462 VNĐ.

stt	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	THU NHẬP NĂM 2024	
			Hưởng Lương	Hưởng thù lao
I	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		-	360.000.00
1		Lê Mạnh Thường - Chủ tịch		96.000.000
2		Đỗ Văn Sinh - Thành viên; Tổng Giám đốc		60.000.000
3		Nguyễn Hoàng Giang -Thành viên		60.000.000
4		Trần Xuân Tiến- Thành viên, Phó Tổng giám đốc		60.000.000
5		Đào Thị Huệ- Thành viên		60.000.000
6		Lưu Thị Thùy Minh - Thư ký HĐQT		24.000.000
II	ỦY BAN KIỂM TOÁN		-	60.000.00
1		Nguyễn Hoàng Giang -Trưởng ban		36.000.000
2		Đào Thị Huệ- Thành viên		24.000.000
III	BAN ĐIỀU HÀNH			-
1		Đỗ Văn Sinh- Tổng Giám đốc	297.183.154	
2		Trần Xuân Tiến- Phó Tổng giám đốc	237.997.308	
4		Đào Văn Nam – PTGD/Kế toán trưởng	219.379.000	
	TỔNG CỘNG		754.514.462	420.000.00

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo các quy định của Pháp luật và nội bộ về Quản trị Công ty. Công ty luôn xem xét các thực tiễn tốt nhất về Quản trị Công ty để áp dụng đối với Doanh nghiệp mình.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

Tháng 03 năm 2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 – 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 32

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

1000400095, đăng ký lần đầu ngày 30/10/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 07/11/2023
Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp.

Trụ sở chính

Lô A3, Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Hội đồng quản trị

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Mạnh Thường	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên
Ông Đỗ Văn Sinh	Thành viên
Ông Trần Xuân Tiến	Thành viên
Bà Đào Thị Huệ	Thành viên

Ủy ban Kiểm toán nội bộ

Các thành viên của Ủy ban Kiểm toán nội bộ trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoàng Giang	Trưởng ban
Bà Đào Thị Huệ	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Văn Sinh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc (Từ ngày 01/09/2024 theo Nghị quyết 115/2024/NQ-FTM_HĐQT ngày 30/08/2024)

Đại diện theo pháp luật

Ông Đỗ Văn Sinh	Tổng Giám đốc
-----------------	---------------

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông, phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Đỗ Văn Sinh

Tổng Giám đốc

Thái Bình, Việt Nam

Ngày 26 tháng 03 năm 2024

Số:/ BCKT-TC/AVA.NV9

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân

Chúng tôi đã thực hiện công tác kiểm toán Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "Báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 5 đến trang 30.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở ý kiến từ chối

Giá định hoạt động liên tục:

Như được trình bày tại Thuyết minh 2.1, Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động liên tục mặc dù tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng số nợ phải trả của Công ty vượt quá tổng tài sản 834.240.600.520 VND và phát sinh khoản lỗ trên Báo cáo tài chính là: 127.288.890.722 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Ngoài ra, Các khoản vay Ngân hàng quá hạn thanh toán số tiền: 774.094.985.391 đồng tại thuyết minh số 23 và Lãi vay ngân hàng quá hạn thanh toán chưa được gia hạn nợ số tiền: 368.471.721.315 đồng tại thuyết minh số 20.

Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này, cơ bản tùy thuộc vào việc Ban giám đốc đưa ra các chiến lược kinh doanh để cải thiện tình hình của Công ty cũng như duy trì hoạt động và thanh toán các khoản nợ đến hạn.

Tuy nhiên, từ năm 2019 đến nay, Công ty đang gặp rất nhiều khó khăn về tài chính, đã và đang phải thực hiện nhiều biện pháp tái cơ cấu về tổ chức, kinh doanh và quản lý tài chính. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai phụ thuộc nhiều vào việc tái cơ cấu về tổ chức, kinh doanh và quản lý tài chính bao gồm cơ cấu lại khoản nợ vay quá hạn như đã nêu ở trên và bổ sung nguồn vốn sản xuất kinh doanh.

Do đó, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng để đánh giá sự phù hợp của giả định hoạt động liên tục được áp dụng trong việc trình bày báo cáo này. Vì vậy, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thực hiện các điều chỉnh đối với báo cáo tài chính, trong trường hợp Công ty không thể tiếp tục hoạt động liên tục.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu trong phần “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể và không đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

Mai Quang Hiệp**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số
1320-2023-126-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Bảo Trung**Kiểm toán viên**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số
số 0373-2023-126-1

Mẫu số B01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Các Thuyết minh từ trang 10 đến trang 40 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		359.391.703.020	408.459.052.837
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	8.733.737.152	1.086.976.013
1. Tiền	111		8.733.737.152	1.086.976.013
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	1.500.000.000	1.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.500.000.000	1.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		198.214.581.624	277.790.833.226
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	389.629.220.935	393.995.482.753
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	219.232.159.404	220.164.315.048
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	55.043.819.501	54.940.365.531
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(465.690.618.216)	(391.309.330.106)
IV. Hàng tồn kho	140	12	149.990.368.362	124.060.094.021
1. Hàng tồn kho	141		149.990.368.362	124.060.094.021
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		953.015.882	4.021.149.577
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	692.217.115	1.933.013.156
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		260.798.767	2.088.136.421
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		280.045.231.203	373.882.890.952
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		24.166.370.318	68.142.787.218
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	9	24.166.370.318	68.142.787.218
II. Tài sản cố định	220		189.568.222.288	238.697.976.109
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	187.729.043.169	235.939.207.446
- Nguyên giá	222		1.010.421.130.106	1.011.820.943.742
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(822.692.086.937)	(775.881.736.296)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	1.839.179.119	2.758.768.663
- Nguyên giá	228		7.944.995.383	7.944.995.383
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.105.816.264)	(5.186.226.720)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	16	64.048.708.230	64.048.708.230
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		64.048.708.230	64.048.708.230
IV. Tài sản dài hạn khác	260		2.261.930.367	2.993.419.395
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	2.261.930.367	2.993.419.395
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		639.436.934.223	782.341.943.789

Người lập biểu

Trần Thị Quý

Kế toán trưởng

Đào Văn Nam

Tổng Giám đốc

Đỗ Văn Sinh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Mẫu số B02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Mã số	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	01	182.924.996.098	174.982.045.193
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26	02	145.358.196	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	27	10	182.779.637.902	174.982.045.193
4. Giá vốn hàng bán	28	11	182.290.761.045	172.369.775.005
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)		20	488.876.857	2.612.270.188
6. Doanh thu hoạt động tài chính	29	21	6.499.230.699	435.928.356
7. Chi phí tài chính	30	22	91.367.974.530	110.637.807.478
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	76.004.305.555	103.461.156.074
8. Chi phí bán hàng	31	25	1.795.892.105	1.632.159.079
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	26	88.073.001.507	138.941.794.634
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))		30	(174.248.760.586)	(248.163.562.647)
11. Thu nhập khác	32	31	110.633.474.840	5.808.459.516
12. Chi phí khác	33	32	63.673.604.976	80.059.095.782
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)		40	46.959.869.864	(74.250.636.266)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)		50	(127.288.890.722)	(322.414.198.913)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		51	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		52	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)		60	(127.288.890.722)	(322.414.198.913)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	70	(2.546)	(6.448)

Người lập biểu

Trần Thị Quý

Kế toán trưởng

Đào Văn Nam

Thái Bình, ngày 25/03/2025

Tổng Giám đốc

Đỗ Văn Sinh

Mẫu số B03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2024	Năm 2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(127.288.890.722)	(322.414.198.913)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	46.810.350.641	74.485.174.912
- Các khoản dự phòng	03	74.381.288.110	122.054.973.259
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	9.321.722.843	4.628.600.697
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-	(26.536.307)
- Chi phí lãi vay	06	76.004.305.555	103.461.156.074
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	79.228.776.427	(17.810.830.278)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	7.212.962.083	6.405.099.863
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(25.930.274.341)	(38.421.357.396)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(94.482.216.045)	5.485.950.083
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.972.285.069	1.321.400.889
- Tiền lãi vay đã trả	14	1.924.495.461	974.642.907
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(30.073.971.346)	(42.045.093.932)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(234.000.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(1.500.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ đơn vị khác	24	43.973.416.900	45.037.059.170
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	26.536.307
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	43.973.416.900	43.329.595.477
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(6.252.684.415)	(3.078.326.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.252.684.415)	(3.078.326.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	7.646.761.139	(1.793.824.455)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.086.976.013	2.853.313.057
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	27.487.411
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	8.733.737.152	1.086.976.013

Trần Thị Quý
Người lập biểu
Thái Bình, Việt Nam
Ngày 26 tháng 03 năm 2024

Đào Văn Nam
Kế toán trưởng

Đỗ Văn Sinh
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân.
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1000400095, đăng ký lần đầu ngày 30/10/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 07/11/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp.
Trụ sở chính của Công ty: Lô A3, Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.
Vốn điều lệ của Công ty: 500.000.000.000 đồng.
Tổng số cổ phần là 50.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/01 cổ phần.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại sợi.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:
Sản xuất và kinh doanh các loại sợi; Sản xuất vải dệt thoi; Hoàn thiện sản phẩm dệt; Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác; Sản xuất hàng may sẵn trừ trang phục; May trang phục trừ trang phục từ da lông thú; Sản xuất sản phẩm từ da lông thú; Sản xuất trang phục dệt kim đan móc; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: bán buôn sợi); Xây dựng công trình dân dụng khác (Chi tiết: Xây dựng công trình hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp); Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán lẻ đồ gỗ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng các cửa hàng chuyên doanh; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Cho thuê kho xưởng;...

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng số cán bộ nhân viên

Tại ngày 31/12/2024, tổng số nhân viên của Công ty là 380 người (Tại ngày 31/12/2023, tổng số nhân viên của Công ty là 493 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH KỲ

2.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”).

3. CHUẨN MỰC VÀ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

4.2. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng hợp đồng, các khoản cho vay theo kế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Đối với các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản cho vay.

4.3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Việc xác định các khoản cần lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào các khoản mục được phân loại là phải thu ngắn hạn, dài hạn của Bảng cân đối kế toán. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng giai đoạn sản xuất trong đầy chuyên.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

4.5. Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

4.6. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

	2024
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 – 20 năm
Máy móc và thiết bị	10 – 15 năm
Phương tiện vận tải	5 – 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản khác	3 – 10 năm

Chênh lệch giữa thu thuần do thanh lý nhượng bán với giá trị còn lại của TSCĐ được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.8. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là ngắn hạn hoặc dài hạn.

Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay, nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

4.11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

4.12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.13. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi. (nếu có và lãi từ các khoản đầu tư được đánh giá là trọng yếu).

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập khác

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

4.14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của thành phẩm bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Khi bán sản phẩm, hàng hóa kèm thiết bị, phụ tùng thay thế thì giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

4.15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

4.16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

4.17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chi phí Thuế thu nhập hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

4.18. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

4.18.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại Cơ quan Công ty.

4.18.2. Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, chú ý tới bản chất của mối quan hệ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	7.852.596.810	329.518.966
Tiền gửi ngân hàng	881.140.342	757.457.047
	8.733.737.152	1.086.976.013

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá ghi sổ	Giá gốc	Giá ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển				
Thành phố Hồ Chí Minh - CN Hải Phòng (*)	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000

(*) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 2037040600000177 ngày 23 tháng 06 năm 2023 của ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - CN Hải Phòng - Phòng Giao dịch Hải Đăng. Thời hạn hợp đồng tiền gửi là 12 tháng từ ngày 23/06/2024 đến ngày 23/06/2025. Lãi suất tiền gửi 5,4%/năm. Hợp đồng tiền gửi là tài sản đảm bảo làm thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số 0006/24PGDHĐa/HĐCBL/BL-HDB01 ngày 24/06/2024 với Công ty Điện lực Thái Bình - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	389.629.220.935	393.995.482.753
a. Các bên khác	378.861.891.342	383.228.153.160
Công ty Cổ phần Tân An	134.225.113.612	134.225.113.612
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phú Việt	138.920.055.754	138.920.055.754
Công ty TNHH XDTM Dịch vụ Phú Hoàng Phát	101.730.497.200	101.730.497.200
Doanh nghiệp tư nhân Trịnh Chung	-	3.630.522.131
Các khoản phải thu khác	3.986.224.776	4.721.964.463
b. Các bên liên quan	10.767.329.593	10.767.329.593
Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR	10.767.329.593	10.767.329.593
	389.629.220.935	393.995.482.753

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	219.232.159.404	220.164.315.048
a. Các bên khác	147.012.911.294	147.945.066.938
Tongkook International Trading Co., limited	138.716.007.074	138.716.007.074
Các đối tượng khác	8.296.904.220	9.229.059.864
b. Các bên liên quan	72.219.248.110	72.219.248.110
Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR	72.219.248.110	72.219.248.110
	219.232.159.404	220.164.315.048

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2024		01/01/2024	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Dài hạn	24.166.370.318	-	68.142.787.218	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn	24.045.370.318	-	67.999.787.218	-
Đại Cường (*)				
Đối tượng khác	121.000.000	-	143.000.000	-
	24.166.370.318	-	68.142.787.218	-

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY (Tiếp theo)

(*) Khoản cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường vay theo hợp đồng số TC18032021/HĐVT ngày 18/03/2021 số tiền 70.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày bên vay nhận được tiền, lãi suất vay 9%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo, mục đích khoản vay phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Ngày 17/03/2022, Phụ lục hợp đồng số 01/TC18032021/HĐVT/PL được ký kết giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường thay đổi thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày bên vay nhận được tiền.

10. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	55.043.819.501	-	54.940.365.531	-
Các bên khác	55.043.819.501	-	54.940.365.531	-
Tạm ứng	200.547.787		164.801.787	
Phải thu lãi cho vay	3.276.970.543		3.276.970.543	
Công ty Cổ phần Bất động sản New City (*)	50.000.000.000		50.000.000.000	
Phải thu khác	1.566.301.171		1.498.593.201	
	55.043.819.501	-	54.940.365.531	-

(*) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Bất động sản New City theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 06/2019 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân (Nhà đầu tư) và Công ty Cổ phần Bất động sản New City (Công ty) ký ngày 05/06/2019 về Dự án đầu tư, xây dựng khu nhà ở phù hợp với quy chuẩn quy hoạch đô thị được ban hành tại Quyết định phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu Đô thị phía Nam thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình số 3249/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 cho khu đất tọa lạc tại phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình có diện tích đất của toàn bộ dự án là 490.185,3 mét vuông để xây dựng nhà chia lô, công trình thương mại, công viên cây xanh, đất giao thông, đất kỹ thuật. Theo đó, Nhà đầu tư đồng ý góp vốn để phát triển dự án với số tiền là 50.000.000.000 đồng, tiến hành góp vốn trước ngày 31/12/2019; Sau khi dự án thực hiện thành công, Công ty có trách nhiệm bàn giao cho Nhà đầu tư được quyền khai thác và sử dụng 15 Lô biệt thự với diện tích 6.000 m2 hoặc Công ty phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền góp vốn và một khoản lãi với lãi suất 7%/năm tính trên tổng số tiền Nhà đầu tư đã thực góp cho thời hạn kể từ ngày Nhà đầu tư chuyển khoản góp vào tài khoản góp vốn cho đến ngày Công ty hoàn trả đầy đủ.

11. NỢ XẤU

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Phú Hoàng Phát	101.730.497.200	-	101.730.497.200	-
Công ty Cổ phần Tân An	134.225.113.612	-	134.225.113.612	-
CTCP Đầu tư và phát triển Phú Việt	138.920.055.754	-	138.920.055.754	2.162.040.000
Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR	82.986.577.703	-	10.767.329.593	-
Các khoản khác	7.828.373.947	-	7.828.373.947	-
	465.690.618.216	-	393.471.370.106	2.162.040.000

12. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	100.514.255.627	-	68.686.445.911	-
Công cụ, dụng cụ	727.325.938	-	784.791.574	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	631.853.017	-
Thành phẩm	48.748.786.797	-	53.957.003.519	-
	149.990.368.362	-	124.060.094.021	-

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a. Ngắn hạn	692.217.115	1.933.013.156
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	1.737.504.604
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	692.217.115	195.508.552
b. Dài hạn	2.261.930.367	2.993.419.395
Công cụ dụng cụ	2.074.147.163	1.912.682.830
Các khoản chi phí dài hạn khác	187.783.204	1.080.736.565
Cộng	2.954.147.482	4.926.432.551

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (Chi tiết phụ lục 01)

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2024	7.944.995.383	7.944.995.383
Tại ngày 31/12/2024	7.944.995.383	7.944.995.383
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2024	5.186.226.720	5.186.226.720
Khấu hao trong năm	919.589.544	919.589.544
Tại ngày 31/12/2024	6.105.816.264	6.105.816.264
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2024	2.758.768.663	2.758.768.663
Tại ngày 31/12/2024	1.839.179.119	1.839.179.119

16. TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Dự án nhà máy kéo sợi Đức Quân 6	64.048.708.230	64.048.708.230
	64.048.708.230	64.048.708.230

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các bên khác	49.041.942.433	49.041.942.433	48.703.902.903	48.703.902.903
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại HT Vina		-	976.506.852	976.506.852
Công ty TNHH Hoa Thắng	251.173.130	251.173.130	481.093.000	481.093.000
Công ty TNHH Trịnh Trung L.A	20.870.601.784	20.870.601.784	20.870.601.784	20.870.601.784
Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Miền trung	19.180.435.650	19.180.435.650	19.180.435.650	19.180.435.650
Phải trả các đối tượng khác	8.739.731.869	8.739.731.869	7.195.265.617	7.195.265.617
	49.041.942.433	49.041.942.433	48.703.902.903	48.703.902.903

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	13.203.737.507	10.421.147.588
Các bên khác	13.203.737.507	10.421.147.588
Công ty TNHH Dệt may Hoàng Quân	1.590.868.337	-
Công ty TNHH Đức Hiếu	4.492.824.404	7.647.622.928
Các khách hàng khác	7.120.044.766	2.773.524.660
	13.203.737.507	10.421.147.588

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC (Chi tiết phụ lục 02)

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a. Ngắn hạn	587.099.485.624	595.021.029.732
Chi phí lãi vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Thái Bình (*)	368.471.721.315	418.669.558.230
Chi phí lãi vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	218.627.764.309	176.252.698.733
Các khoản trích trước khác	-	98.772.769
b. Dài hạn	-	20.522.519.923
Chi phí lãi vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Thái Bình (*)	-	20.522.519.923
	587.099.485.624	615.543.549.655

(*) Theo hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01A/2014/HDODA-NHPT ngày 31/12/2014 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 03/2014/HDTDDT-NHPT ngày 31/12/2014 với Ngân hàng Phát triển Việt Nam-CN Thái Bình, Tổng số lãi vay phát sinh nhưng chưa trả đến ngày 30/11/2014 là 46.898.504.116 đồng. Số lãi vay này sẽ được thanh toán theo lịch trả nợ chi tiết trong hợp đồng từ năm 2016 đến tháng 01 năm 2023. Các khoản chi phí lãi vay phát sinh từ ngày 01 tháng 12 năm 2014 sẽ được trả hàng tháng.

Theo hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ hợp đồng tín dụng số 05/2015/HĐTD-NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2015 với Ngân hàng phát triển Việt Nam-Chi nhánh Thái Bình, tổng số lãi vay phát sinh nhưng chưa trả đến ngày 30/09/2014 là 82.522.519.923 đồng. Số lãi vay này sẽ được thanh toán theo lịch trả nợ chi tiết trong hợp đồng từ năm 2016 đến quý 1 năm 2025. Các khoản chi phí lãi vay phát sinh từ ngày 01 tháng 12 năm 2014 sẽ được trả hàng tháng.

Đến thời điểm 31/12/2024, lãi vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình quá hạn thanh toán chưa được gia hạn nợ là 368.471.721.315 đồng.

21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước tiền cho thuê xưởng	525.609.091	236.636.363
	525.609.091	236.636.363

22. PHẢI TRẢ PHẢI NỢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	236.223.000	175.014.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm TN	17.082.473.965	16.384.531.333
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.819.043.524	1.163.641.634
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.483.686.111	3.217.019.444
	27.621.426.600	20.940.206.411

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Chi tiết Phụ lục 03)

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2023	500.000.000.000	9.142.927.632	(893.680.438.517)	(384.537.510.885)
Lợi nhuận trong năm			(322.414.198.913)	(322.414.198.913)
Tại ngày 01/01/2024	500.000.000.000	9.142.927.632	(1.216.094.637.430)	(706.951.709.798)
Lợi nhuận trong năm			(127.288.890.722)	(127.288.890.722)
Tại ngày 31/12/2024	500.000.000.000	9.142.927.632	(1.343.383.528.152)	(834.240.600.520)

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	2024	2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	500.000.000.000	500.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	500.000.000.000	500.000.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (10.000 VND/cổ phiếu)		

25. DOANH THU

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	150.614.224.265	174.982.045.193
Doanh thu cung cấp dịch vụ	31.183.726.380	-
Doanh thu khác	1.127.045.453	-
	182.924.996.098	174.982.045.193

26. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	145.358.196	-
	145.358.196	-

27. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	150.468.866.069	174.982.045.193
Doanh thu cung cấp dịch vụ	31.183.726.380	-
Doanh thu khác	1.127.045.453	-
	182.779.637.902	174.982.045.193

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	149.173.489.158	172.369.775.005
Giá vốn của hàng hóa đã bán	32.651.623.328	-
Giá vốn khác	465.648.559	-
	182.290.761.045	172.369.775.005

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	457.284.567	26.536.307
Lãi chênh lệch tỷ giá	6.041.946.132	409.392.049
	6.499.230.699	435.928.356

30. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	76.004.305.555	103.461.156.074
Lỗ chênh lệch tỷ giá	15.363.668.975	7.176.651.404
	91.367.974.530	110.637.807.478

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	88.073.001.507	138.941.794.634
Chi phí nhân viên quản lý	6.499.507.721	8.422.461.557
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.423.141.300	2.481.215.188
Chi phí công cụ dụng cụ	41.940.829	16.599.163
Chi phí dịch vụ mua ngoài	450.000	90.022.665
Chi phí bằng tiền khác	4.726.673.547	5.876.522.802
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	74.381.288.110	122.054.973.259
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	1.795.892.105	1.632.159.079
Chi phí bằng tiền khác	1.795.892.105	1.632.159.079
Cộng	179.737.787.224	281.147.907.426

32. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ cho thuê cơ sở hạ tầng	2.287.878.182	5.505.234.814
Thu nhập khác	2.071.504.380	303.224.702
Thu nhập từ xóa nợ lãi chậm trả	106.274.092.278	-
	110.633.474.840	5.808.459.516

33. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Phạt chậm nộp bảo hiểm	886.747.759	835.146.010
Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.050.488.370	50.429.311.020
Chi phí lương nhân viên	14.646.608.091	11.862.967.081
Chi phí cho thuê cơ sở hạ tầng	891.935.400	2.626.513.855
Chi phí khác	13.197.825.356	14.305.157.816
	63.673.604.976	80.059.095.782

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(127.288.890.722)	(322.414.198.913)
Điều chỉnh giảm (Trích quỹ khen thưởng phúc lợi)		-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(127.288.890.722)	(322.414.198.913)

Cổ phiếu

	Năm 2024	Năm 2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	50.000.000	50.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	(2.546)	(6.448)

35. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	126.852.015.361	116.938.354.029
Chi phí nhân công	36.109.094.270	40.070.472.679
Chi phí khấu hao tài sản cố định	48.053.678.456	73.565.585.368
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.709.542.693	50.430.263.981
Chi phí khác bằng tiền	92.392.595.103	11.180.765.714
	347.116.925.883	292.185.441.771

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR

Mối quan hệ

Công ty có liên quan

Số dư các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính

Số dư các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính được trình bày tại thuyết minh số 7,8.

37. THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

STT	HỌ VÀ TÊN CHỨC DANH	THU NHẬP ĐẾN 31/12/2024	
		Hưởng Lương	Hưởng thù lao
I	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	-	360.000.000
1	Lê Mạnh Thường - Chủ tịch		96.000.000
2	Đỗ Văn Sinh - Thành viên; Tổng Giám đốc		60.000.000
3	Nguyễn Hoàng Giang -Thành viên		60.000.000
4	Trần Xuân Tiến- Thành viên, Phó Tổng giám đốc		60.000.000
5	Đào Thị Huệ- Thành viên		60.000.000
6	Lưu Thị Thùy Minh - Thư ký HĐQT		24.000.000
II	ỦY BAN KIỂM TOÁN	-	60.000.000
1	Nguyễn Hoàng Giang -Trưởng ban		36.000.000
2	Đào Thị Huệ- Thành viên		24.000.000
III	BAN ĐIỀU HÀNH	754.514.462	-
1	Đỗ Văn Sinh- Tổng Giám đốc	297.138.154	
2	Trần Xuân Tiến- Phó Tổng giám đốc	237.997.308	
3	Đào Văn Nam - Kế toán trưởng	219.379.000	
	TỔNG CỘNG	754.514.462	420.000.000

38. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

39. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore Aisc.

Trần Thị Quý
Người lập biểu

Đào Văn Nam
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Sinh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình
Tỉnh Thái Bình, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình

Tỉnh Thái Bình, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

PHỤ LỤC 01: BẢNG BIẾN ĐỘNG TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2024	165.713.598.201	838.745.570.998	3.403.450.000	3.958.324.543	1.011.820.943.742
Mua trong năm		-			-
Thanh lý, nhượng bán			(1.399.813.636)		(1.399.813.636)
Tại ngày 31/12/2024	165.713.598.201	838.745.570.998	2.003.636.364	3.958.324.543	1.010.421.130.106
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2024	78.639.395.537	692.957.308.161	1.745.236.000	2.539.796.598	775.881.736.296
Khấu hao trong năm	7.290.548.365	39.140.041.632	230.656.147	472.842.768	47.134.088.912
Thanh lý, nhượng bán			(323.738.271)		(323.738.271)
Tại ngày 31/12/2024	85.929.943.902	732.097.349.793	1.652.153.876	3.012.639.366	822.692.086.937
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2024	87.074.202.664	145.788.262.837	1.658.214.000	1.418.527.945	235.939.207.446
Tại ngày 31/12/2024	79.783.654.299	106.648.221.205	351.482.488	945.685.177	187.729.043.169

Trong đó:

Nguyên giá của các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là: 380.544.978.423 đồng

Đến thời điểm 31/12/2024, tất cả các Tài sản cố định đã được dùng để thế chấp các khoản vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình

Tỉnh Thái Bình, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

PHỤ LỤC 02: THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU / PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại ngày 01/01/2024		Số phát sinh trong năm	Số đã nộp trong năm	Tại ngày 31/12/2024	
	<i>Phải thu</i>	<i>Phải trả</i>			<i>Phải thu</i>	<i>Phải trả</i>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT	-	-	26.787.533.429	26.787.533.429	-	-
- Thuế GTGT đầu ra	-	-	16.747.128.002	16.747.128.002	-	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	10.040.405.427	10.040.405.427	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	28.226.884	46.211.445	52.629.452	-	21.808.877
Tiền thuê đất	-	-	499.093.980	499.093.980	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	12.073.904	12.073.904	-	-
Cộng	-	28.226.884	27.344.912.758	27.351.330.765	-	21.808.877

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình
Tỉnh Thái Bình, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

PHỤ LỤC 03: BẢNG CHI TIẾT VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
Vay ngắn hạn						
Vay bằng VND	299.540.551.358	299.540.551.358	-	1.230.000.000	298.310.551.358	298.310.551.358
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà Nội (1)</i>	<i>299.540.551.358</i>	<i>299.540.551.358</i>	-	<i>1.230.000.000</i>	<i>298.310.551.358</i>	<i>298.310.551.358</i>
Vay bằng USD	134.318.466.000	134.318.466.000	10.311.872.400	4.033.405.800	140.596.932.600	140.596.932.600
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà Nội (1)</i>	<i>134.318.466.000</i>	<i>134.318.466.000</i>	<i>10.311.872.400</i>	<i>4.033.405.800</i>	<i>140.596.932.600</i>	<i>140.596.932.600</i>
Vay dài hạn đến hạn trả (Trình bày thuyết minh vay dài hạn)	345.630.173.051	345.630.173.051			346.364.766.365	346.364.766.365
Cộng	779.489.190.409	779.489.190.409	10.311.872.400	5.263.405.800	785.272.250.323	785.272.250.323

(1) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2019/1497403/HĐTD ngày 30 tháng 07 năm 2019. Hạn mức cho vay ngắn hạn và mở LC là 570 tỷ đồng. Trong đó dư nợ cho vay ngắn hạn tối đa là 270 tỷ đồng. Hạn mức chiết khấu là 100 tỷ đồng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời gian cấp hạn mức 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng nhưng không quá ngày 31/01/2020. Thời hạn cho vay, lãi suất vay được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo là tài sản máy móc thuộc dây chuyền sản xuất 1.740 tấn, kho vật liệu phụ, hợp đồng thế chấp quyền sở hữu căn hộ ngày 13/06/2016 ký giữa ông Lê Mạnh Thường, bà Bùi Thị Hằng và Ngân hàng, hợp đồng cầm cố số 01/2017/1497403/CC/HĐBĐ ngày 20/02/2017 ký giữa Công ty và Ngân hàng, máy ghép và máy xe kiện, máy chải thô, máy kiểm tra độ bền sợi, hệ thống server và phụ trợ ...

Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 01.3/2019/1497403/HĐTD ngày 09 tháng 06 năm 2020 gia hạn hiệu lực mức tín dụng ngắn hạn năm 2019-2020 theo hợp đồng hạn mức tín dụng trên đến ngày 30/09/2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình
Tỉnh Thái Bình, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	353.334.700.051	353.334.700.051	1.723.871.929	989.278.615	354.069.293.365	354.069.293.365
Các khoản vay dài hạn của công ty	94.137.480.203	94.137.480.203	681.927.929	321.730.615	94.497.677.517	94.497.677.517
Vay bằng VND	85.254.950.445	85.254.950.445	-	55.000.000	85.199.950.445	85.199.950.445
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà Nội (2)</i>	<i>57.085.751.685</i>	<i>57.085.751.685</i>		<i>55.000.000</i>	<i>57.030.751.685</i>	<i>57.030.751.685</i>
<i>Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) - CN Thái Bình (3)</i>	<i>28.169.198.760</i>	<i>28.169.198.760</i>	-	-	<i>28.169.198.760</i>	<i>28.169.198.760</i>
Vay bằng USD	8.882.529.758	8.882.529.758	681.927.929	266.730.615	9.297.727.072	9.297.727.072
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà Nội (2)</i>	<i>8.882.529.758</i>	<i>8.882.529.758</i>	<i>681.927.929</i>	<i>266.730.615</i>	<i>9.297.727.072</i>	<i>9.297.727.072</i>
Các khoản vay kế thừa từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	259.197.219.848	259.197.219.848	1.041.944.000	667.548.000	259.571.615.848	259.571.615.848
Vay bằng VND	245.625.259.848	245.625.259.848	-	260.000.000	245.365.259.848	245.365.259.848
<i>Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) - CN Thái Bình (4)</i>	<i>237.850.259.848</i>	<i>237.850.259.848</i>	-	<i>245.000.000</i>	<i>237.605.259.848</i>	<i>237.605.259.848</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà Nội (5)</i>	<i>7.775.000.000</i>	<i>7.775.000.000</i>	-	<i>15.000.000</i>	<i>7.760.000.000</i>	<i>7.760.000.000</i>
Vay bằng USD	13.571.960.000	13.571.960.000	1.041.944.000	407.548.000	14.206.356.000	14.206.356.000
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà Nội (5)</i>	<i>13.571.960.000</i>	<i>13.571.960.000</i>	<i>1.041.944.000</i>	<i>407.548.000</i>	<i>14.206.356.000</i>	<i>14.206.356.000</i>
Trừ Nợ dài hạn đến hạn trả (Trình bày ở phần Vay và nợ ngắn hạn)	345.630.173.051	345.630.173.051			346.364.766.365	346.364.766.365
Cộng	7.704.527.000	7.704.527.000	1.723.871.929	989.278.615	7.704.527.000	7.704.527.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình
Tỉnh Thái Bình, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chi tiết nợ dài hạn đến hạn trả

	01/01/2024		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản vay của công ty	94.137.470.539	94.137.470.539	94.497.667.853	94.497.667.853
Vay bằng VND	85.254.940.781	85.254.940.781	85.199.940.781	85.199.940.781
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà Nội (2)</i>	<i>34.604.379.432</i>	<i>34.604.379.432</i>	<i>34.604.379.432</i>	<i>34.604.379.432</i>
<i>Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB)- CN Thái Bình (3)</i>	<i>50.650.561.349</i>	<i>50.650.561.349</i>	<i>50.595.561.349</i>	<i>50.595.561.349</i>
Vay bằng USD	8.882.529.758	8.882.529.758	9.297.727.072	9.297.727.072
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà Nội (2)</i>	<i>8.882.529.758</i>	<i>8.882.529.758</i>	<i>9.297.727.072</i>	<i>9.297.727.072</i>
Các khoản vay kế thừa từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	251.492.702.512	251.492.702.512	251.867.098.512	251.867.098.512
Vay bằng VND	237.920.742.512	237.920.742.512	237.660.742.512	237.660.742.512
<i>Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB)- CN Thái Bình (4)</i>	<i>230.145.742.512</i>	<i>230.145.742.512</i>	<i>229.900.742.512</i>	<i>229.900.742.512</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà Nội (5)</i>	<i>7.775.000.000</i>	<i>7.775.000.000</i>	<i>7.760.000.000</i>	<i>7.760.000.000</i>
Vay bằng USD	13.571.960.000	13.571.960.000	14.206.356.000	14.206.356.000
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà Nội (5)</i>	<i>13.571.960.000</i>	<i>13.571.960.000</i>	<i>14.206.356.000</i>	<i>14.206.356.000</i>
Cộng	345.630.173.051	345.630.173.051	346.364.766.365	346.364.766.365

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình
Tỉnh Thái Bình, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(2) Hợp đồng số 150/2007/0320 ngày 06 tháng 03 năm 2007 và văn bản bổ sung hợp đồng tín dụng dài hạn số 150/2007/0320/PL ngày 06 tháng 10 năm 2016, với tổng số tiền cho vay là 49 tỷ đồng bao gồm cả ngoại tệ quy đổi và không vượt quá 70% tổng vốn đầu tư thực tế của dự án. Mục đích vay để tài trợ phần máy móc thiết bị và xây dựng nhà xưởng phục vụ Dự án đầu tư xây dựng nhà máy dệt Đại Cường Thái Bình công suất 4.500 tấn/năm. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày nhận nợ vay đầu tiên, kỳ hạn trả gốc cuối cùng là quý 4 năm 2021. Lãi suất cho vay thả nổi. Hình thức đảm bảo tiền vay là toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư từ vốn tự có và vốn vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội bao gồm Nhà máy Đức Quân 2 (công suất 4.500 tấn/năm) và các tài sản khác thuộc sở hữu của Công ty và bên thứ ba; nguồn thu từ các hợp đồng kinh tế mà Công ty là bên thụ hưởng toàn bộ số dư tài khoản của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội và các tổ chức tín dụng khác.

Khế ước vay dài hạn số 15082000222569 số tiền 20.696.920.000 đồng, giải ngân ngày 28/09/2018. Thời hạn vay 10 năm. Mục đích vay để đầu tư nhà máy Đức Quân 6.

(3) Khoản vay dài hạn của Công ty với Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) - Chi nhánh Thái Bình bao gồm các hợp đồng vay như sau:

(3.1) Hợp đồng vay vốn tín dụng Đầu tư phát triển của Nhà nước số 03 /2007/HĐTD ngày 10 tháng 01 năm 2007 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 03/2014/HĐTDĐT - NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tổng tiền cho vay từ nguồn vốn tín dụng Đầu tư phát triển của nhà nước tối đa là 90.400.000.000 đồng nhưng tổng số vốn vay cả hai nguồn vốn không vượt quá 70% tổng số vốn đầu tư tài sản cố định. Mục đích vay vẫn là để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy kéo sợi dệt Đại Cường Thái Bình (nhà máy Đức Quân 2). Thời hạn cho vay là 15 năm kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi phát sinh hàng tháng từ tháng 12 năm 2014 trở đi theo tháng. Đối với số lãi phải trả nhưng chưa trả đến hết ngày 30 tháng 11 năm 2014 sẽ hoàn trả theo lịch trả nợ chi tiết trong hợp đồng sửa đổi, bổ sung từ tháng 1 năm 2016 đến tháng 1 năm 2023. Lãi suất trong hạn là 7,8%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn. Hình thức đảm bảo tiền vay là Tài sản hình thành từ vốn tự có và vốn vay của Ngân hàng VDB - Chi nhánh Thái Bình bao gồm Nhà máy Đức Quân 2 (công suất 4.500 tấn/năm) của Công ty; tài sản thế chấp khác của Công ty tương đương tối thiểu 10% tổng số vốn vay để bảo đảm tiền vay.

(3.2) Hợp đồng vay vốn ODA KFW số 01/2007/HĐTD ngày 10 tháng 01 năm 2007 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01A/2014/HĐODA-NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tổng tiền cho vay từ nguồn vốn ODA tối đa là 34.600.000.000 đồng nhưng tổng số vốn vay cả hai nguồn vốn không vượt qua 70% tổng số vốn đầu tư tài sản cố định. Mục đích vay vốn là để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy kéo sợi dệt Đại Cường Thái Bình (nhà máy Đức Quân 2). Thời hạn cho vay là 15 năm kể từ tháng 2 năm 2008, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi phát sinh hàng tháng từ tháng 12 năm 2014 trở đi theo tháng. Đối với số lãi phải trả nhưng chưa trả đến hết ngày 30 tháng 11 năm 2014 sẽ hoàn trả theo lịch trả nợ chi tiết trong hợp đồng sửa đổi, bổ sung từ tháng 1 năm 2016 đến tháng 1 năm 2023. Lãi suất trong hạn là 9%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn. Hình thức đảm bảo tiền vay bao gồm tài sản hình thành sau đầu tư từ vốn tự có và vốn vay của ngân hàng VDB- Chi nhánh Thái Bình là Nhà máy Đức Quân 2 (công suất 4.500 tấn/năm) của Công ty; tài sản thế chấp khác của Công ty tương đương tối thiểu 10 % tổng số vốn vay để bảo đảm tiền vay.

(4) Theo hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ hợp đồng tín dụng số 05/2015/HĐTD-NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2015 Công ty nhận chuyển giao toàn bộ các khoản vay (bao gồm cả gốc và lãi chưa trả) tương ứng với các tài sản nhận góp vốn từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường. Khoản vay kế thừa lại theo các hợp đồng gốc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN

Lô A3, KCN Nguyễn Đức Cảnh, Thành phố Thái Bình
Tỉnh Thái Bình, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(4.1) Hợp đồng số 08/2008/HĐTD ngày 26 tháng 03 năm 2008. Thời hạn vay là 15 năm kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên. Lãi suất cho vay trong hạn là 6,9 %/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Số dư vay tại thời điểm nhận kế thừa là 205.304.527.000 đồng. Hình thức đảm bảo là hệ thống máy móc, thiết bị hình thành sau đầu tư (bao gồm cả vốn vay và vốn tự có) của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy Đại Cường 5 (công suất 8.700 tấn/năm); Hoa lợi và lợi tức từ tài sản thế chấp.

(4.2) Hợp đồng số 01/2011/HĐTDĐT-NHPT ngày 28 tháng 01 năm 2008. Thời hạn vay là 14 năm kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên. Lãi suất cho vay trong hạn là 9,6%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Số dư vay tại thời điểm nhận kế thừa là 82.700.000.000 đồng. Hình thức đảm bảo là hệ thống máy móc, thiết bị hình thành sau đầu tư (bao gồm cả vốn vay và vốn tự có) của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy Đại Cường 5 (công suất 8.700 tấn/năm), Hoa lợi và lợi tức từ tài sản thế chấp.

(5) Theo hợp đồng chuyển giao nghĩa vụ nợ vay dài hạn số 150/1497403/HĐ/01 ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty nhận chuyển giao toàn bộ các khoản vay (bao gồm cả gốc và lãi chưa trả) tương ứng với các tài sản nhận góp vốn từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường. Khoản vay chuyển giao theo hợp đồng gốc số 150/2006/151 ngày 13 tháng 2 năm 2006. Tổng số tiền nhận nợ gốc là 27.500.000.000 đồng và 556.000 USD. Kỳ hạn trả nợ gốc theo quý, kỳ trả nợ gốc cuối cùng là quý 4 năm 2020. Lãi suất thả nổi. Hình thức đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay gồm nhà xưởng và máy móc thiết bị của phân xưởng PE(thuộc nhà máy Đại Cường 1) của Công ty; tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng, các khoản phải thu từ các hợp đồng kinh tế phát sinh mà Công ty là bên thụ hưởng.

Tại thời điểm 31/12/2024 các khoản vay đã quá hạn thanh toán là 774.094.985.391 đồng. Trong đó Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Bắc Hà Nội quá hạn thanh toán là 485.894.154.530 đồng; Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình quá hạn thanh toán là 288.200.830.861 đồng